

BỘ CÔNG THƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

TÀI LIỆU TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Hà Nội, tháng 4/2022

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
CTCP – VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Địa điểm: Hội trường tầng 4, CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May số 478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Thời gian: 8 giờ 30 phút, Thứ năm ngày 28 tháng 4 năm 2022.

<i>Thời gian</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Ghi chú</i>
8h00 – 8h30	Đón khách & kiểm tra tư cách cổ đông - Đón tiếp & đăng ký đại biểu. - Phát tài liệu cho cổ đông	
8h30 – 8h50	Khai mạc Đại hội - Chào cờ & tuyên bố khai mạc. - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông & tuyên bố điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. - Giới thiệu và thông qua Chủ tọa và thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch.	
8h50 – 10h20	Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội: - Giới thiệu và thông qua: + Đoàn Thư ký và Ban Kiểm phiếu Đại hội. + Chương trình & Quy chế làm việc của Đại hội.	
	* Trình bày và thông qua các Báo cáo: - Báo cáo của HĐQT về giám sát & kết quả hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh(SXKD) năm 2021& kế hoạch hoạt động năm 2022. - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2021& phương hướng SXKD năm 2022. - Báo cáo của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2021, kế hoạch giám sát năm 2022.	
	* Trình bày các Tờ trình: - Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán; - Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021;	

	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD 2021 và kế hoạch SXKD 2022; - Thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2022; - Lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022. - Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023. - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ CTCP-Viện Nghiên cứu Dệt May. 	
	* Công bố các văn bản của Bộ Công Thương	
	*Biểu quyết: <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua miễn nhiệm thành viên BKS và giới thiệu đề ĐHĐCĐ bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023. 	
10h20 – 10h50	Bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình	
	Đại diện cấp trên, khách mời phát biểu <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội thảo luận. 	
10h50–11h10	Đại hội nghỉ giải lao	
11h10-11h30	Công bố kết quả kiểm phiếu Bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình	
11h30–11h40	Thảo luận, giải đáp ý kiến thắc mắc, tiếp thu ý kiến của cổ đông về các nội dung trong Chương trình Đại hội	
11h40 – 12h00	Bế mạc Đại hội <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Biên bản họp; Nghị quyết ĐHĐCĐ. - Tuyên bố bế mạc Đại hội. 	

Số: /BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Hoạt động của Hội đồng quản trị và giám sát quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May,

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần (CTCP) - Viện Nghiên cứu Dệt May (Công ty), tôi xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty về kết quả hoạt động giám sát quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2021 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 với nội dung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

- HĐQT:

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
1	Ông Phạm Văn Lượng	Chủ tịch HĐQT; Phụ trách Đại diện vốn Nhà nước.
2	Bà Nguyễn Diệp Linh	Thành viên HĐQT; Đại diện vốn Nhà nước.
3	Bà Bùi Thị Thái Nam	Thành viên HĐQT; Đại diện vốn Nhà nước.
4	Ông Vũ Huy Đông	Thành viên HĐQT.
5	Ông Nguyễn Văn Thông	Thành viên HĐQT.

- Ban Kiểm soát (BKS):

<i>Stt</i>	<i>Thành viên BKS</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS</i>	<i>Trình độ chuyên môn</i>
1	Bà Phạm Hoàng Minh	Trưởng Ban	Từ 26/6/2020	Cử nhân
2	Bà Trần Thị Quỳnh Hoa	Thành viên	Từ 20/9/2018	Cử nhân
3	Bà Ngô Thị Hương	Thành viên	Từ 23/4/2021 (Từ nhiệm từ 14/9/2021)	Cử nhân

- Thù lao của HĐQT và BKS:

+ Chủ tịch HĐQT: 25.000.000 đồng/người/tháng

+ Thành viên HĐQT (không chuyên trách): 1.000.000 đồng/người/tháng

+ Trưởng Ban kiểm soát (không chuyên trách): 1.000.000 đồng/người/tháng

+ Thành viên BKS (không chuyên trách): 500.000 đồng/người/tháng

+ Thư ký công ty (không chuyên trách): 500.000 đồng/người/tháng

- Ban Điều hành:

<i>STT</i>	<i>Thành viên Ban điều hành</i>	<i>Ngày tháng năm sinh</i>	<i>Trình độ chuyên môn</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành</i>
1	Ông Bùi Tiến Thanh	01/3/1963	Thạc sỹ	02/7/2020
2	Bà Nguyễn Diệp Linh	19/12/1975	Thạc sỹ	01/5/2021
3	Bà Bùi Thị Thái Nam	9/9/1973	Thạc sỹ	01/5/2021
4	Ông Tống Đức Quang	05/9/1977	Cử nhân	16/10/2018

- Thư ký Công ty: Bà Nguyễn Diệp Linh – Phó Giám đốc Công ty; Trưởng Phòng Điều hành.

I.1 Đánh giá chung

Trong năm 2021 là năm gặp rất nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19. Nhiều quy định được ban hành cho phòng chống dịch, bên cạnh đó, cách thức tổ chức chống dịch của nhiều địa phương cũng khác nhau làm ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động SXKD của hầu hết các doanh nghiệp, đặc biệt là tại phía Nam. Trong các tháng cuối năm, Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh gần như không hoạt động đã làm ảnh hưởng nhiều đến doanh thu, đời sống của CBCNV. Tuy vậy HĐQT cũng đã duy trì hoạt động đều đặn, tuân thủ Điều lệ Công ty; Hàng Quý, HĐQT họp đánh giá tình hình, ban hành Nghị quyết và chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện; Phối hợp hoạt động của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc Công ty phù hợp quy định. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, các thành viên đều nỗ lực hết mình, vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

Các thành viên trong HĐQT đều chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; Có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lễ lối làm việc tốt; Không lợi dụng chức vụ và quyền hạn sử dụng vốn và tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân; Không vi phạm Điều lệ của Công ty, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây hậu quả và làm thiệt hại cho Công ty và Nhà nước.

Nhóm Đại diện vốn Nhà nước tại Công ty luôn thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quy định của Bộ Công Thương theo Quyết định 4676/QĐ-BCT ngày 30

tháng 11 năm 2016 về việc ban hành quy chế quản lý người Đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Công Thương là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước.

I.2 Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2021, HĐQT đã họp thường kỳ và xin ý kiến bằng văn bản và ban hành 09 Nghị quyết HĐQT để xem xét, quyết định các công việc thường kỳ và phát sinh liên quan.

Các Nghị quyết của HĐQT đều được công bố thông tin và gửi đến các bộ phận liên quan để triển khai thực hiện. Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT được nêu cụ thể trong báo cáo của Ban Giám đốc Công ty.

<i>Stt</i>	<i>Số Nghị quyết</i>	<i>Ngày</i>	<i>Các nội dung chính đã thống nhất</i>	<i>Tỷ lệ thông qua (%)</i>
01	180/NQHĐQT-VTRI	03/3/2021	1. Thông qua các báo cáo hoạt động năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty; Báo cáo giám sát của Ban Kiểm soát năm 2020; Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2020. 2. Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021: Dự kiến, Thứ 6, ngày 23/4/2021. 3. Triển khai các hoạt động SXKD quý I năm 2021 của Công ty.	100
02	405/NQHĐQT-VTRI	06/5/2021	1. Thông qua kết quả hoạt động SXKD trong Quý I năm 2021. 2. Giao Ban Điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đảm bảo đúng mục tiêu, kế hoạch. 3. Triển khai thực hiện công tác bổ nhiệm nhân sự Ban Lãnh đạo Công ty, giao cho Chủ tịch HĐQT ban hành các Quyết định bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty từ 01/5/2021.	100
03	692 NQ/HĐQT-VTRI	29/7/2021	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư của Công ty trong năm 2021: Tổng mức đầu tư: 3.660 triệu đồng.	100
04	770/NQHĐQT-VTRI	26/8/2021	- Tập trung mọi nguồn lực, các biện pháp cấp bách cho phòng, chống dịch Covid-19 đảm bảo an toàn tuyệt đối cho	100

		<p>CBCNV của Công ty, đặt nhiệm vụ phòng/chống dịch làm nhiệm vụ hàng đầu, quan trọng nhất trong giai đoạn hiện nay. Giao cho Công đoàn Công ty liên hệ, tổ chức tiêm vắc-xin cho toàn bộ CBCNV và người thân trong gia đình, đảm bảo đủ 02 mũi tiêm/người theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo sơ kết hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2021, kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2021 của Ban Giám đốc Công ty. - Thông qua việc hỗ trợ tiền lương cho CBCNV của Công ty khi nghỉ việc và ít việc trong giai đoạn dịch bệnh năm 2021. - Thông qua triển khai xây dựng kế hoạch SXKD, đầu tư của Công ty năm 2022 trình HĐQT vào phiên họp Quý IV năm 2021 để báo cáo, xin ý kiến Bộ Công Thương. - HĐQT thống nhất thông qua triển khai xây dựng định hướng hoạt động, phát triển của Công ty giai đoạn 2021-2030 theo định hướng chỉ đạo của Bộ Công Thương. - Thông qua chủ trương việc nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn vốn và có lãi cao hơn lãi suất tiết kiệm. - Thông qua công tác bổ nhiệm các chức danh Giám đốc Trung tâm Giám định, Chứng nhận sản phẩm và Phó Trưởng Phòng Tài chính Kế toán từ 01/9/2021. - Triển khai rà soát, cập nhật sửa đổi các Quy chế, Điều lệ Công ty theo các quy định mới của pháp luật, Luật Doanh nghiệp mới và phù hợp với tình hình hiện nay. - Thông qua phương án bổ sung phân 	
--	--	---	--

			<p>phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2020 của Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về công tác thực hiện các thủ tục đất đai: Tập trung nguồn lực thực hiện khẩn trương, đảm bảo hiệu quả. - Về thoái vốn nhà nước: Đề nghị tập trung nguồn lực triển khai, báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo Bộ Công Thương để thực hiện thoái vốn nhà nước. 	
05	881/NQHĐQT-VTRI	02/10/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Việc chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền như sau: Tỷ lệ chi trả: 6,1091 %/cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận được 610,91 đồng). Tổng giá trị cổ tức chi trả: 3.054.551.623 đồng. - Bầu bổ sung 01 thành viên BKS tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 theo quy định. - Hàng năm, Công ty trích khoảng 50% chi phí tiền thuê đất hiện hành vào chi phí sản xuất để dự phòng thực hiện các nghĩa vụ thuế đất cho 02 thửa đất tại Hà Nội & 01 thửa đất tại TP. Hồ Chí Minh khi chưa có văn bản chính thức của các cơ quan thuế về số tiền thuê đất phải nộp hàng năm cho CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May. - Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIỆT NAM để thực hiện việc kiểm toán và rà soát Báo cáo tài chính năm 2021. 	100
06	893/NQHĐQT-VTRI	08/10/2021	<p>HĐQT thống nhất điều chỉnh việc chi trả cổ tức năm 2020 và cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại bằng tiền như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng giá trị cổ tức chi trả: 3.054.551.623 đồng <ul style="list-style-type: none"> + Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền năm 2020: 5% (1 cổ phiếu nhận được 500 đồng); + Tỷ lệ trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại bằng tiền: 1,1091% (1 cổ 	100

			phiếu nhận được 110,91 đồng).	
07	970 NQ/HĐQT- VTRI	29/10/2021	<p>Đồng ý phê duyệt phương án triển khai mua, bán nguyên vật liệu, hàng hóa để thực hiện SXKD tại Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ cụ thể như sau:</p> <p>Nhà cung cấp: Công ty cổ phần Đam San và Công ty TNHH Đông Phong.</p> <p>Loại nguyên liệu, hàng hóa: Sợi CD Ne32/1, Ne 18/1, Ne20/1 và khăn các loại.</p> <p>Tổng giá trị hợp đồng ước tính: 15.000.000.000 đồng \pm5%</p> <p>Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ 01/11/2021.</p>	100
08	980 NQ/HĐQT- VTRI	02/11/2021	Đồng ý phê duyệt về việc không tiếp tục đầu tư thiết bị máy thử độ bền mài mòn và vón gút theo phương pháp Martindale.	100
09	1181/NQHĐ QT-VTRI	31/12/2021	<p>HĐQT thống nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua dự thảo báo cáo của Ban Điều hành công ty về thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 và các nhiệm vụ chính mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã phê chuẩn. - Thông qua Quy chế Giám sát tài chính để thực hiện từ ngày 01/01/2022. - Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ trình Bộ Công Thương xin ý kiến để thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. - Kế hoạch SXKD năm 2022, trình Bộ Công Thương. - Nội dung công việc cần tập trung giải quyết trong Quý I năm 2022. 	100

II. VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

II.1 Về kết quả hoạt động SXKD

HDQT nhất trí với các kết quả mà Công ty đạt được trong năm 2021 như báo cáo của Giám đốc Công ty, cụ thể:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 85.521.502.664 đồng (đạt 131,6 % kế hoạch).

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 3.626.447.008 đồng (đạt 103,6 % kế hoạch);

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 3.333.168.844 đồng (đạt 119 % kế hoạch).

II.2 Tài sản của Công ty tính đến ngày 31/12/2021:

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		58.568.395.502	28.508.943.428
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.143.431.159	12.581.979.383
1. Tiền	111		3.143.431.159	12.581.979.383
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.090.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	28.090.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.969.160.058	14.778.244.432
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	23.044.985.630	12.370.845.156
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.916.609.349	2.407.399.276
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.565.079	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.356.077.874	689.820.931
1. Hàng tồn kho	141	5.6	1.356.077.874	689.820.931
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.009.726.411	458.898.682
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		493.679.813	447.698.619
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	516.046.598	11.200.063
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250)	200		19.389.373.372	43.659.946.530
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.144.203	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	100.144.203	-
II. Tài sản cố định	220		19.289.229.169	22.159.946.530
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	19.215.841.669	22.128.446.530
- Nguyên giá	222		70.417.817.217	69.438.645.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.201.975.548)	(47.310.199.258)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	73.387.500	31.500.000
- Nguyên giá	228		230.530.000	178.780.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(157.142.500)	(147.280.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	21.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	-	21.500.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		77.957.768.874	72.168.889.958

II.3 Nguồn vốn của Công ty tính đến ngày 31/12/2021:

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		22.278.215.835	17.703.404.210
I. Nợ ngắn hạn	310		22.278.215.835	17.703.404.210
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	347.460.416	308.128.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	178.660.997	174.605.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	13.121.922.895	8.620.103.375
4. Phải trả người lao động	314		1.801.503.605	1.820.710.325
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	5.970.212.373	5.996.576.493
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		858.455.549	783.280.700
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		55.679.553.039	54.465.485.748
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	54.685.119.539	54.506.502.318
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.351.950.695	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.333.168.844	4.506.502.318
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.980.498.587
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.333.168.844	2.526.003.731
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		994.433.500	(41.016.570)
1. Nguồn kinh phí	431	5.14	994.433.500	(41.016.570)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		77.957.768.874	72.168.889.958

II.4 Đánh giá tình hình tài chính của Công ty

a. Tình hình quản lý, sử dụng vốn

Trong năm 2021, công tác quản lý vốn của Công ty thực hiện theo quyết định 4676/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 30 tháng 11 năm 2016 về việc Ban hành Quy chế quản lý Người đại diện vốn Nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Công Thương là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước và theo Điều lệ hoạt động của Công ty.

b. Về tài sản

- Tổng tài sản tại 31/12/2021: 77.957.768.874 đồng, tăng 8% so với đầu năm, trong đó:

+ Tài sản ngắn hạn: 58.568.395.502, tăng 105% so với đầu năm.

+ Tài sản dài hạn: 19.389.373.372, giảm 55,6% so với đầu năm.

c. Về khả năng sinh lời

- Vốn chủ sở hữu của Công ty đến thời điểm 31/12/2021 là: 54.685.119.539 đồng, gồm:

+ Vốn góp của chủ sở hữu: 50.000.000.000 đồng.

+ Thặng dư vốn cổ phần: 4.685.119.539 đồng.

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 3.333.168.844 đồng.

- Hệ số bảo toàn vốn đến ngày 31/12/2021 là: 1,02 (= (Tổng tài sản - Nợ phải trả)/Vốn đầu tư của chủ sở hữu), thể hiện Công ty vẫn bảo toàn được vốn.

- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản RoA (Lợi nhuận sau thuế x 100%/Tổng tài sản cuối kỳ): 0,042;

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu RoE (Lợi nhuận sau thuế x 100%/Vốn chủ sở hữu cuối kỳ): 0,061.

c. Các chỉ tiêu cơ bản để đánh giá thực trạng tài chính của Công ty

- Nợ phải trả ngắn hạn: 22.278.215.835 đồng, trong đó có thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 13.121.922.895 đồng.

- Chỉ tiêu nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: 0,41 lần thể hiện Công ty vẫn đảm bảo được nguồn chi trả các khoản nợ và kiểm soát được các khoản nợ.

II.5 Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

a. Công tác nghiên cứu KHCN, dịch vụ kỹ thuật, hợp tác quốc tế

Trong năm 2021, Công ty thực hiện 08 nhiệm vụ KHCN các cấp (Bộ Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội; Cục Công nghiệp) với tổng kinh phí năm 2021 là 6,75 tỷ đồng (trong đó có 06 nhiệm vụ được mở mới trong năm 2021).

Nội dung nghiên cứu của các nhiệm vụ tập trung vào việc: Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ các loại vải chức năng; Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị thử nghiệm; Xu thế công nghệ và các quy định về kiểm soát chất lượng, an toàn các sản phẩm dệt may, da giày; Đào tạo và tư vấn doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp; Nghiên cứu, xây dựng và áp dụng mô hình quản lý theo chuẩn mực ISO/IEC 17025,...

Công ty đã đề xuất với Bộ Công Thương 04 đề tài KHCN cho năm kế hoạch 2022 và đề xuất các Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2023 và giai đoạn tới 2030; Chương trình phát triển một số ngành công nghệ cao thuộc Chương trình phát triển công nghệ cao năm 2023 và giai đoạn tới 2030,...

b. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị:

Kế hoạch đầu tư trong năm 2021 là 3.660.000.000 đồng. Thực tế đã thực hiện đầu tư hoàn thành 02 hạng mục với tổng kinh phí là 1.401.000.000 đồng trước thuế GTGT.

c. Tổ chức, quản trị công ty

Từ 01 tháng 5 năm 2021, Ban Giám đốc có 03 người: Ông Bùi Tiến Thanh (Giám đốc), Bà Nguyễn Diệp Linh và Bà Bùi Thị Thái Nam Nam (Phó Giám đốc).

Ban Kiểm soát có 03 người là Bà Phạm Hoàng Minh (Trưởng BKS), Bà Trần Thị Quỳnh Hoa, Bà Ngô Thị Hương, Bà Ngô Thị Hương chuyển công tác từ

tháng 9 năm 2021. Như vậy, thành viên BKS sẽ được bầu bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Năm 2021, Công ty luôn duy trì các hoạt động và quản trị công ty theo đúng điều lệ, các qui chế công ty đã ban hành, Luật Doanh nghiệp. Trong năm nay đã tiến hành rà soát, bổ sung sửa đổi một số văn bản: Điều lệ Công ty; Quy chế giám sát tài chính; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tài chính,...

Về việc chấp hành nội qui, qui chế: Công ty quản lý các bộ phận chủ yếu bằng nội qui, qui chế, phù hợp pháp luật của Nhà nước. Đội ngũ cán bộ chủ chốt đều tự giác, gương mẫu trong việc thực hiện và phổ biến nội qui, qui chế cho CBCNV trong đơn vị của mình để cùng thực hiện.

Trong năm 2021 đã hoàn thành chi trả cổ tức bằng tiền năm 2020 với tỷ lệ 6,1091% từ nguồn lợi nhuận còn lại bằng tiền với tổng giá trị cổ tức chi trả: 3.054.551.623 đồng.

Về tổ chức nhân sự: Năm 2021, tổng số CBCNV toàn Công ty là 88 người.

Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, kịp thời với các cơ quan cấp trên.

Năm 2021, Ban Giám đốc đã triển khai có trọng tâm các giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Ban Giám đốc Công ty luôn nỗ lực, linh hoạt, có giải pháp kịp thời với các phát sinh vướng mắc, vượt qua những khó khăn do dịch bệnh để duy trì hoạt động của toàn Công ty, đảm bảo chế độ cho người lao động. HĐQT ghi nhận kết quả điều hành SXKD của Ban Giám đốc trong năm 2021 và có sự tăng trưởng hơn so với năm 2020.

III. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRÌNH ĐHĐCĐ

III.1 Kết quả hoạt động SXKD 2021

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kế hoạch 2021</i>	<i>Thực hiện 2021</i>	<i>Tỷ lệ hoàn thành (%)</i>
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.000.000.000	85.521.502.664	131,6
2	Giá vốn hàng bán	48.270.000.000	70.898.793.157	146,9
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.730.000.000	14.622.709.507	87,4
4	Doanh thu hoạt động tài chính		1.614.497.456	
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	13.230.000.000	12.459.772.908	94,2
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.500.000.000	3.577.368.685	102,2
7	Thu nhập khác		145.221.750	
8	Chi phí khác		96.143.427	
9	Lợi nhuận khác		49.078.323	

10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.500.000.000	3.626.447.008	103,6
11	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.800.000.000	3.333.168.844	119

III.2 Phân phối lợi nhuận sau thuế

TT	Nội dung	Phân phối Lợi nhuận 2021		Ghi chú
		Tỷ lệ	Số tiền (đồng)	
1	LNST tại 31/12/2021 chưa phân phối		3.333.168.844	
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021	100%	3.333.168.844	
2.1	Quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động	6%	200.000.000	
2.2	Quỹ thưởng cho người quản lý công ty	0,6%	20.000.000	
2.3	Chia cổ tức cho cổ đông tối đa 5% vốn điều lệ	75%	2.500.000.000	
2.4	Quỹ đầu tư phát triển	18,4%	613.168.844	

Cổ tức được chia bằng tiền mặt.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

IV.1 Định hướng chỉ đạo hoạt động chung của Công ty

Năm 2022 được xác định là năm cũng còn nhiều khó khăn do dịch bệnh vẫn còn diễn biến phức tạp, tình hình thế giới có nhiều biến động, căng thẳng xung đột chiến tranh giữa Nga và Ucraina, giá dầu thô và giá bông trên thế giới tăng cao,... Tuy vậy, hoạt động của Công ty trong năm 2022 phải tập trung vào một số các nội dung sau:

- Kế hoạch SXKD 2022 đạt chỉ tiêu so với kế hoạch SXKD Công ty đã xây dựng trình ĐHCĐ thường niên năm 2022.
- Tập trung vào các hoạt động cốt lõi của Công ty: Nghiên cứu khoa học, dịch vụ thử nghiệm, chứng nhận và mở rộng SXKD các sản phẩm từ nghiên cứu KHCN, các sản phẩm dệt may, hóa chất,... phục vụ cho ngành.
- Tiếp tục sắp xếp lại các đơn vị trong công ty, bố trí lao động cho phù hợp với khả năng, trình độ chuyên môn của cán bộ, mời các chuyên gia lĩnh vực dệt, sợi, nhuộm,... tham gia vào các hoạt động của Công ty.
- Tuyển nhân lực có trình độ phù hợp với yêu cầu nghiên cứu khoa học, phù hợp với lĩnh vực thử nghiệm, giám định để bổ xung cho các đơn vị hiện đang thiếu hụt, tăng cường đào tạo tại chỗ, đào tạo lại để nâng cao trình độ chuyên môn cho các đơn vị dịch vụ.
- Tăng cường marketing dịch vụ khách hàng, phát triển các phép thử, phương pháp thử mới đáp ứng với yêu cầu trong nước và thế giới.
- Tăng cường hợp tác với các trường Đại học, các doanh nghiệp dệt may trong nước về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo, hỗ trợ các doanh

nghiệp về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hợp quy đáp ứng được yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa khi đưa ra thị trường cũng như xuất khẩu sang EU, Mỹ, Nhật..

- Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ và EU...

- Tập trung đầu tư các thiết bị, cơ sở vật chất mang lại doanh thu và lợi nhuận cho công ty.

- Tiếp tục cải tiến quản trị công ty để bộ máy gọn nhẹ và hiệu quả, ưu tiên đầu tư cho công tác nghiên cứu KHCN, thử nghiệm, cơ sở hạ tầng.

- Đề xuất với Bộ Công Thương phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thành lập Nhà máy may, Nhà máy sợi, Nhà máy nhuộm và Dự án xây dựng tòa nhà văn phòng, Trung tâm thí nghiệm, Chứng nhận và dịch vụ tại trụ sở Công ty số 478 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

- Về đất đai:

Trong năm 2022 phải thực hiện các công việc sau:

Tại Hà Nội: Thực hiện xong hợp đồng thuê đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Miễn thuế theo quy định.

Tại TP. HCM: Thực hiện xong quyết định cho thuê đất.

- Về kế hoạch thoái vốn: Tập trung nguồn lực để thực hiện khi có chỉ đạo của Bộ Công Thương

Một số nhiệm vụ chính cần thực hiện ngay

Tập trung điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư ngay từ đầu năm 2022 theo dự kiến.

Hoàn thành các thủ tục về đất đai cho 02 thửa đất tại Hà Nội và có Quyết định cho CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May thuê đất tại Chi nhánh Công ty TP. HCM.

Xúc tiến các thủ tục xin miễn giảm một phần tiền thuê đất cho 03 thửa đất của Công ty cùng với tiến trình hoàn thành các thủ tục đất đai.

Thoái một phần vốn Nhà nước tại Công ty để tạo sự thông thoáng cho phát triển.

IV.2 Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Kế hoạch 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (đồng)	90.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	3.850.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	3.507.777.778
4	Tiền lương CBCNV (đồng/người/tháng)	11.000.000
5	Các khoản nộp Ngân sách Nhà nước (đồng)	10.000.000.000
6	Đầu tư mua sắm trang thiết bị và nâng cấp cơ sở hạ tầng (đồng)	3.200.000.000
7	Đầu tư các dự án thành lập Nhà máy may, Nhà máy sợi, Nhà máy nhuộm và Dự án xây dựng tòa nhà văn phòng, Trung tâm thí nghiệm, Chứng nhận và dịch vụ (dự kiến)	

IV.3 Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2022

- Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT: 25.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên HĐQT (*không chuyên trách*): 3.000.000 đồng/người/tháng.

- Ban Kiểm soát:

+ Trưởng BKS (*chuyên trách*): 17.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên BKS (*không chuyên trách*): 500.000 đồng/người/tháng.

+ Thư ký Công ty (*không chuyên trách*): 500.000 đồng/người/tháng.

Thay mặt HĐQT, tôi xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ Bộ Công Thương, xin trân trọng cảm ơn các Quý Cổ đông, đặc biệt là Công ty CP Damsan (Cổ đông lớn của Công ty) đã tin tưởng và gắn bó cùng Công ty trong thời gian vừa qua!

Xin kính chúc các Quý vị đại biểu, Quý Cổ đông mạnh khỏe và hạnh phúc!

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: HĐQT, BKS, Thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH H.Đ.Q.T
Phạm Văn Lương

Số: 125 /BC-VTRI

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021
và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) họp ngày 23/4/2021, với vai trò quản lý, điều hành, Ban Điều hành CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May (Công ty) báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2021 và kế SXKD năm 2022 của Công ty với những nội dung sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I.1 Tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD:

Thuận lợi:

Tập thể CBCNV toàn Công ty luôn đoàn kết, đồng lòng cùng Ban Lãnh đạo Công ty, nỗ lực đạt được các chỉ tiêu đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Khó khăn:

Năm 2021 là năm vô cùng khó khăn do dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế quốc dân nói chung và tình hình SXKD của Công ty.

Đợt dịch thứ nhất từ 20 tháng 01 năm 2021 đến 25 tháng 02 năm 2021; Đợt dịch thứ 2 từ 27 tháng 4 năm 2021 đến 15 tháng 10 năm 2021 cả nước thực hiện giãn cách xã hội, việc đi lại của người dân và vận tải hàng hóa vô cùng khó khăn, nhiều doanh nghiệp ngừng sản xuất; Doanh số dịch vụ chứng nhận của Công ty những tháng 7, 8, 9, 10 năm 2021 chỉ đạt từ 40-60% kế hoạch. Đợt dịch thứ 3 từ 15 tháng 12 năm 2021.

Hai địa phương Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh lại hạn chế người dân ra đường nếu không có việc cần thiết, các hàng quán dịch vụ chỉ bán cho người dân mang về không được phục vụ tại chỗ. Nếu đợt dịch này tiếp tục ảnh hưởng đến các doanh nghiệp dệt may (dừng hoạt động do Covid-19) thì doanh số dịch vụ thí nghiệm, giám định, chứng nhận và các hoạt động khác sẽ bị ảnh hưởng và rất khó khăn cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Công tác cung cấp dịch vụ kỹ thuật ngày càng phải cạnh tranh với mức độ và yêu cầu ngày càng cao; nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các đề tài dự án ngày càng giảm, thủ tục quản lý triển khai đề tài dự án xu hướng ngày càng phức tạp;

Trong năm 2021 vẫn chưa xác định được giá trị thuế đất cần nộp, ảnh hưởng đến việc xây dựng và thực hiện kế hoạch năm tiếp theo và đến việc khai thác cơ sở vật chất tại Chi nhánh Công ty.

Nguồn nhân lực mỏng nên khó triển khai các công việc; Cơ sở vật chất (thiết bị máy móc, nhà xưởng) của Công ty xuống cấp, chưa có nguồn tài chính để nâng cấp.

Nhiệm vụ chính của Công ty năm 2021:

1. Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, dịch vụ và tài chính đã đặt ra trong năm 2021.

2. Tập trung nguồn lực giải quyết các thủ tục đất đai để UBND TP. Hà Nội và TP. HCM ra quyết định cho thuê đất đối với CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May, đạt yêu cầu sử dụng đất cho nghiên cứu khoa học và kinh doanh dịch vụ; Ký hợp đồng và làm giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty.

3. Làm các thủ tục xin miễn tiền thuế đất cho Công ty.

4. Xúc tiến thoái một phần vốn Nhà nước để Công ty hoạt động thông thoáng và thuận lợi hơn.

1.1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Đứng trước những khó khăn chung của toàn xã hội, Ban Lãnh đạo Công ty một mặt thích ứng linh hoạt trong điều kiện bình thường mới để tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động của toàn Công ty một cách tốt nhất trong điều kiện có thể và ứng xử hài hòa chia sẻ khó khăn với khách hàng trong dịch bệnh, mặt khác, tuân thủ nghiêm công tác phòng chống dịch, yêu cầu toàn thể CBCNV nghiêm chỉnh, tự giác phòng chống dịch, tuân thủ biện pháp 5K kết hợp tiêm vắc xin Covid-19.

Đến đầu tháng 10 năm 2021, CBCNV trong toàn Công ty đã hoàn thành tiêm phòng vắc xin mũi 2. Với sự nỗ lực trên năm 2021 Công ty đã đạt được một số kết quả trong bảng chỉ tiêu như sau:

Đơn vị: đồng

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kế hoạch 2021</i>	<i>Thực hiện 2021</i>	<i>Tỷ lệ hoàn thành (%)</i>
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.000.000.000	85.521.502.664	131,6
2	Giá vốn hàng bán	48.270.000.000	70.898.793.157	146,9
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.730.000.000	14.622.709.507	87,4
4	Doanh thu hoạt động tài chính		1.614.497.456	
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	13.230.000.000	12.459.772.908	94,2

6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.500.000.000	3.577.368.685	102,2
7	Thu nhập khác		145.221.750	
8	Chi phí khác		96.143.427	
9	Lợi nhuận khác		49.078.323	
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.500.000.000	3.626.447.008	103,6
11	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.800.000.000	3.333.168.844	119

Về 3 nhiệm vụ còn lại của năm 2021: Đối với đất đai tại Hà Nội, trong năm 2021, Chủ tịch UBND TP. Hà Nội đã ra 02 Quyết định cho CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May thuê 02 thửa đất tại 478 Minh Khai và 454 Minh Khai đến năm 2045 để làm nghiên cứu khoa học và kinh doanh dịch vụ đã đáp ứng được mong muốn về sử dụng đất của Công ty.

Công việc về đất đai tiếp theo phải làm tại trụ sở Công ty ở Hà Nội là thực hiện các thủ tục để ký hợp đồng thuê đất, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm các thủ tục xin miễn tiền thuê đất. Hiện Công ty đang cùng với Công ty thẩm định giá VIC làm hồ sơ, chứng thư xác định giá thuê đất tại số 478 và 454 Minh Khai. Tiếp theo, Công ty cùng với các Sở, Ban, Ngành của TP. Hà Nội họp hoàn tất biên bản thẩm định trình UBND TP. Hà Nội phê duyệt chứng thư giá cho 2 khu đất trên làm cơ sở để ký hợp đồng thuê đất. Tất cả các thủ tục về làm chứng thư giá đã xong và hiện đang chờ hết dịch bệnh, liên ngành sẽ họp trực tiếp.

Về các thủ tục đất đai ở TP. HCM hiện do dịch Covid-19 nên chưa thực hiện.

Về công tác xúc tiến thoái tiếp một phần vốn nhà nước: Thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Công Thương và chưa thực hiện do ảnh hưởng của dịch bệnh.

1.1.2 Công tác nghiên cứu KHCN, dịch vụ kỹ thuật:

Trong năm 2021, Công ty thực hiện 08 nhiệm vụ KHCN các cấp (*Bộ Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội; Cục Công nghiệp*) với tổng kinh phí năm 2021 là 6,75 tỷ đồng (*trong đó có 06 nhiệm vụ được mở mới trong năm 2021*).

Nội dung nghiên cứu của các nhiệm vụ tập trung vào việc: Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ các loại vải chức năng; Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị thử nghiệm; Xu thế công nghệ và các quy định về kiểm soát chất lượng, an toàn các sản phẩm dệt may, da giày; Đào tạo và tư vấn doanh nghiệp trong lĩnh vực dệt may nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp; Nghiên cứu, xây dựng và áp dụng mô hình quản lý theo chuẩn mực ISO/IEC 17025,...

Công ty đã đề xuất với Bộ Công Thương 04 đề tài KHCN cho năm kế hoạch 2022 và đề xuất các Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2023 và giai đoạn tới 2030; Chương trình phát triển một số ngành công nghệ cao thuộc Chương trình phát triển công nghệ cao năm 2023 và giai đoạn tới 2030,...

1.1.3 Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị:

Năm 2021, Công ty đã hoàn thành kế hoạch đầu tư. Riêng máy thử độ mài mòn của vải, Công ty phải hủy thầu vì đơn vị trúng thầu thấp nhất 389 triệu đồng cung cấp máy thử kháng nước của Trung Quốc, không đáp ứng yêu cầu của Trung tâm thí nghiệm. Nhìn chung công việc đầu tư trong thời gian qua là đúng trọng tâm trọng điểm, việc nào cần thì mới đầu tư, thực hiện việc đầu tư công khai, minh bạch; Công ty đã chọn đúng người, đúng việc, tất cả các việc đầu tư đều đảm bảo là lựa chọn đúng nhà thầu, giá cả hợp lý, cạnh tranh. Chất lượng sản phẩm, chất lượng công trình đảm bảo đạt yêu cầu. Sau đầu tư công trình xây dựng, máy móc thiết bị được khai thác có hiệu quả.

Kế hoạch đầu tư trong năm 2021 là 3.660 triệu đồng. Thực tế đã thực hiện đầu tư hoàn thành 02 hạng mục với tổng kinh phí là 1.401.000.000 đồng trước thuế GTGT.

1.1.4 Về mặt tổ chức, quản trị tại Công ty:

Từ 01 tháng 5 năm 2021, Ban Giám đốc có 03 người: Ông Bùi Tiến Thanh (Giám đốc), Bà Nguyễn Diệp Linh và Bà Bùi Thị Thái Nam Nam (Phó Giám đốc).

Ban Kiểm soát có 03 người là Bà Phạm Hoàng Minh (Trưởng BKS), Bà Trần Thị Quỳnh Hoa, Bà Ngô Thị Hương, Bà Ngô Thị Hương chuyển công tác từ tháng 9 năm 2021. Như vậy, 01 thành viên BKS sẽ được bầu bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Năm 2021, Công ty luôn duy trì các hoạt động và quản trị công ty theo đúng điều lệ, các qui chế công ty đã ban hành, Luật Doanh nghiệp. Trong năm nay đã tiến hành rà soát, bổ sung sửa đổi một số văn bản: Điều lệ Công ty; Quy chế giám sát tài chính; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế tài chính,...

Về việc chấp hành nội qui, qui chế: Công ty quản lý các bộ phận chủ yếu bằng nội qui, qui chế, phù hợp pháp luật của Nhà nước. Đội ngũ cán bộ chủ chốt đều tự giác, gương mẫu trong việc thực hiện và phổ biến nội qui, qui chế cho CBCNV trong đơn vị của mình để cùng thực hiện.

Trong năm 2021 đã hoàn thành chi trả cổ tức bằng tiền năm 2020 với tỷ lệ 6,1091% từ nguồn lợi nhuận còn lại bằng tiền với tổng giá trị cổ tức chi trả: 3.054.551.623 đồng.

Về tổ chức nhân sự: Năm 2021, tổng số CBCNV toàn Công ty là 87 người, tăng 02 lao động và giảm 05 lao động.

Thực hiện chế độ báo cáo đầy đủ, kịp thời với các cơ quan cấp trên.

1.1.5 Về công tác Đảng, Công đoàn:

Đảng bộ CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May gồm 40 đảng viên sinh hoạt tại 03 chi bộ (02 chi bộ tại Hà Nội và 01 chi bộ tại TP. Hồ Chí Minh). Ban Chấp hành Đảng ủy Công ty gồm 07 đồng chí, phân bố ở cả 2 miền.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2020-2025, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Đảng ủy Công ty đã lãnh đạo công tác chính trị tư tưởng, đoàn thể chính trị xã hội vững mạnh, tập trung nguồn lực hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác đề ra.

Công đoàn Công ty luôn nhận được sự quan tâm, sự chỉ đạo, tạo điều kiện sát sao của Đảng ủy và Ban Lãnh đạo công ty, sự phối hợp, tin tưởng của cán bộ, đoàn viên trong toàn Công ty. Ban Chấp hành Công ty luôn quan tâm, hỏi thăm, động viên kịp thời các CBCNV gặp khó khăn, nhiệm bệnh trong thời gian dịch bệnh.

1.2 Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021

Toàn thể Ban Lãnh đạo và CBCNV toàn Công ty đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2021 đặt ra.

1.3 Một số tồn tại, vướng mắc

Chưa hoàn thành thủ tục sang tên sở hữu nhà đất của Công ty, vì vậy chưa xác định được thuế đất của Công ty cần nộp;

Về Công tác thoái vốn Nhà nước: Tiếp tục thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Công Thương.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Dự báo tình hình năm 2022:

Thuận lợi:

Bộ máy điều hành của Công ty đã vận hành ổn định theo mô hình công ty cổ phần; định hướng, kế hoạch phát triển của công ty đã hanh thông.

Tập thể CBCNV toàn Công ty đoàn kết, luôn đồng lòng cùng thực hiện các hoạt động nghiên cứu KHCN, SXKD, dịch vụ kỹ thuật,... để đạt được mục tiêu đề ra.

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, đủ nguồn vốn để triển khai các hoạt động SXKD, đầu tư.

Khó khăn:

Ảnh hưởng của dịch Covid-19 vẫn rất lớn và khó lường với ngành dệt may Việt Nam cũng như nền kinh tế đất nước và quốc tế;

Công ty vẫn chưa xác định được giá trị thuế đất cần nộp, ảnh hưởng đến việc xây dựng và thực hiện kế hoạch năm 2022;

Cung cấp dịch vụ kỹ thuật ngày càng phải cạnh tranh với mức độ cao; nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các đề tài dự án ngày càng giảm, thủ tục quản lý triển khai đề tài dự án xu hướng ngày càng phức tạp;

Nguồn nhân lực mỏng nên khó triển khai các công việc; Cơ sở vật chất (thiết bị máy móc, nhà xưởng) của Công ty xuống cấp, chưa có nguồn tài chính để nâng cấp toàn diện.

II.1 Mục tiêu SXKD năm 2022

II.1.1. Hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, Dịch vụ và Tài chính và Đầu tư năm 2022.

II.2.2 Hoàn thành các thủ tục về đất đai cho 02 thửa đất tại Hà Nội và có Quyết định cho CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May thuê đất tại Chi nhánh Công ty TP. HCM.

II.2.3 Xúc tiến các thủ tục xin miễn giảm một phần tiền thuê đất cho 03 thửa đất của Công ty cùng với tiến trình hoàn thành các thủ tục đất đai.

II.2.4 Thoái một phần vốn Nhà nước tại Công ty để tạo sự thông thoáng cho phát triển.

<i>STT</i>	<i>Các chỉ tiêu tài chính</i>	<i>Kế hoạch 2022</i>
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (đồng)	90.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	3.850.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	3.507.777.778
4	Tiền lương CBCNV (đồng/người/tháng)	11.000.000
5	Các khoản nộp Ngân sách Nhà nước (đồng)	10.000.000.000
6	Đầu tư mua sắm trang thiết bị và nâng cấp cơ sở hạ tầng (đồng)	3.200.000.000
7	Đầu tư các dự án thành lập Nhà máy may, Nhà máy sợi, Nhà máy nhuộm và Dự án xây dựng tòa nhà văn phòng, Trung tâm thí nghiệm, Chứng nhận và dịch vụ (<i>dự kiến</i>)	

II.2 Kế hoạch đầu tư năm 2022:

<i>Stt</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Chi phí (dự kiến, tr.đ)</i>	<i>Ghi chú</i>
I	MUA SẮM, NÂNG CẤP THIẾT BỊ	2.484	
1	Thiết bị đo độ dày, độ nén và phục hồi của nguyên liệu và sản phẩm dệt may đáp ứng yêu cầu của DS0035 Version 4 và DS274 Version B (1 bộ)	55	Đặt ở HN
2	Phụ kiện máy thử độ bền màu giặt	99	Đặt ở HN

	<i>Gyrowash - Small (500 ml/1 pt) Test Vessel/Canister (Type 1) c/w PTFE seal - each James Heal- 10 cốc</i>		
3	Thiết bị thử tốc độ khô của vải dệt	80	Đặt ở HN
4	Cân phân tích 10 ⁻⁴ , tải trọng 210g-220g	100	Đặt ở HN
5	Thiết bị thử độ truyền qua hoặc chặn bức xạ cực tím qua vải	1.200	Đặt ở HN
6	Hệ thống thiết bị Phòng thí nghiệm: - Dụng cụ thử nghiệm Snaghook theo DS457 - Dụng cụ thử nghiệm Snaghook theo DS374 - Thiết bị thử mài mòn vải theo : ISO 12945-2; ASTM D 4970; ISO 12947-2,3,4 ; ISO 5470-2; JIS L 1018; ASTM D, 4966, DS087, DS017	620	Đặt ở TP. HCM
7	Máy giặt thử nghiệm cửa đứng (Top Loading Home Washer) (1 chiếc)	120	Đặt ở TP. HCM
8	Máy sấy thử nghiệm cửa ngang (Front - loading Home Tumble Dryer)	150	Đặt ở TP. HCM
9	Cải tiến, nâng cấp Máy thoáng khí Airtronic	60	Đặt ở TP. HCM
II	MUA SẴM CÔNG CỤ, DỤNG CỤ	156	
10	Thiết bị thử kháng nước AATCC 42	14	Đặt ở TP. HCM
11	Máy tính xách tay	20	Đặt ở HN
12	Ổ cứng lưu trữ dữ liệu	3	Đặt ở HN
13	Máy tính để bàn	15	Đặt ở HN
14	Máy in	5	Đặt ở HN
15	Thiết bị hiệu chuẩn nhiệt ẩm độ- môi trường nhiệt độ cao	9	Đặt ở TP. HCM
16	Cây đồng tâm (lấy mẫu rắn)	7,5	Đặt ở HN
17	Bơm tay hóa chất (lấy mẫu lỏng)	6,5	Đặt ở HN
18	Đồ bảo hộ (kính, khẩu trang, bao tay, ủng)- chất lượng BLĐ TBXH	9	Đặt ở HN

19	Dụng cụ đựng mẫu hóa chất	5	Đặt ở HN
20	Cây đồng tâm (lấy mẫu rắn)	7,5	Đặt ở TP. HCM
21	Bơm tay hóa chất (lấy mẫu lỏng)	6,5	Đặt ở TP. HCM
22	Đồ bảo hộ (kính, khẩu trang, bao tay, ủng)- chất lượng BLĐ TBXH	9	Đặt ở TP. HCM
23	Dụng cụ đựng mẫu hóa chất	5	Đặt ở TP. HCM
24	CPU máy chủ của Trung tâm	9	Đặt ở TP. HCM
25	Bộ thử bền màu mồ hôi, nước, nước biển, di trú màu ISO/AATCC	25	Đặt ở HN
III	SỬA CHỮA, NÂNG CẤP CƠ SỞ VẬT CHẤT	560	
26	Sửa chữa chống dột phòng ăn, nhân viên ở CN HCM	10	Đặt ở TP. HCM
27	Mở rộng mặt bằng Phòng thí nghiệm tại TP. HCM	500	Đặt ở TP. HCM
28	Nâng cấp phòng thuần hoá mẫu 24/24	50	Đặt ở TP. HCM
	Tổng vốn đầu tư năm 2022	3.200.000	

II.3 Giải pháp thực hiện

II.3.1. Giải pháp về thị trường

Tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ kỹ thuật về thử nghiệm, giám định, chứng nhận, hiệu chuẩn, kiểm định các sản phẩm dệt may, da giày, giấy và các sản phẩm tiêu dùng khác; Tăng cường chăm sóc, duy trì các khách hàng thân thiết; Tập trung mở rộng và tìm kiếm khách hàng mới; Xây dựng chính sách thu hút đối với khách hàng tiềm năng, khách hàng chuỗi;

Tiếp tục duy trì và phát triển thị trường khách hàng lĩnh vực tư vấn, thẩm định, thiết kế công nghệ, dây chuyền thiết bị sản xuất ngành dệt may;

Duy trì, mở rộng thị trường, khách hàng tiêu thụ các sản phẩm là kết quả nghiên cứu KHCN về sản phẩm mới, sản phẩm có chức năng đặc biệt trong ngành dệt may;

II.3.2 Giải pháp về tổ chức, quản lý

Giám sát hoạt động của các đơn vị, điều hành phối hợp sự hợp tác giữa các đơn vị trong Công ty, kịp thời phát hiện rủi ro để có các biện pháp ngăn chặn;

Rà soát, tiết giảm chi phí quản lý, chi phí kinh doanh, các định mức kinh tế kỹ thuật; yêu cầu các bộ phận xây dựng kế hoạch chi tiết về từng khoản mục với mức tiết giảm cụ thể và phổ biến đến từng CBCNV để phấn đấu thực hiện;

Bố trí sắp xếp nguồn nhân lực hợp lý, hiệu quả theo hướng khuyến khích để CBCNV phát huy tốt khả năng, năng lực của từng cá nhân và đơn vị bộ phận;

Tăng cường hiệu quả khai thác, sử dụng các cơ sở vật chất, thiết bị máy móc, nguồn lực cán bộ KHCN. Ứng dụng công nghệ thông tin để tăng năng suất lao động, quản lý chặt chẽ, chính xác, phản ứng nhanh, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh tác động nhiều.

II.3.3 Giải pháp đầu tư

Đầu tư các thiết bị thử nghiệm, mở rộng lĩnh vực thử nghiệm cho ngành dệt may, da giày, giấy, bảo vệ môi trường ngành dệt may. Từng bước sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất để khai thác có hiệu quả cao nhất.

II.3.4 Giải pháp lao động

Có chính sách thu hút người gắn bó lâu dài với Công ty;

Nâng cao trách nhiệm, phân quyền cho trưởng các đơn vị;

Phân phối tiền công theo mức đóng góp của từng đơn vị, cá nhân; Xây dựng chính sách tiền lương, thu nhập thực sự trở thành đòn bẩy cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng;

Kịp thời động viên, khuyến khích khen thưởng, xử phạt đúng đối tượng tạo niềm tin, khích lệ người lao động phát huy hết năng lực phục vụ cho lợi ích của Công ty.

Trên đây là báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022 của CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua để Ban Điều hành Công ty có cơ sở thực hiện./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ CTCP-Viện Nghiên cứu Dệt May;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Bùi Tiến Thanh

Số : 03 /BC-BKS

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2022

V/v: Báo cáo từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN – VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY
Thời kỳ 01/01/2021 đến 31/12/2021

I. Thông tin chung

I.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần – Viện Nghiên cứu Dệt May

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100294

Theo đó, vốn điều lệ của công ty là **50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng)**, trong đó:

- Vốn Nhà nước: 28.727.000.000 VND tương đương 57,454%

- Cổ đông khác: 21.273.000.000 VND tương đương 42,546%

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

- Địa chỉ: Số 478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

II. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, điều lệ hoạt động của VTRI, Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết đại hội cổ đông.

Tại đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Công ty cổ phần – Viện Nghiên cứu Dệt May(Công ty) đã thông qua việc miễn nhiệm kiểm soát viên đối với Bà Nguyễn Thị Thanh Uyên với số phiếu chấp thuận đạt tỷ lệ 100% và *bầu bổ sung Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018-2023* đối với Bà Ngô Thị Hương với số phiếu chấp thuận đạt tỷ lệ 100%.

1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát năm 2021 của nhiệm kỳ 2018-2023 .

Ban kiểm soát gồm 3 người cụ thể như sau :

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu
1	Bà Phạm Hoàng Minh	Trưởng BKS	Từ ngày 26/6/2020 được ĐHCĐ 2020 bầu giữ chức trưởng BKS

2	Bà Trần Thị Quỳnh Hoa	Thành viên	Bầu lần đầu 19/09/2018
3	Bà Ngô Thị Hương	Thành viên	Từ ngày 23/04/2021 được bầu tại ĐHCĐ thường niên 2021, đã nộp đơn từ nhiệm ngày 14/09/2021 do chuyển công tác

2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và việc thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2021, Ban kiểm soát Công ty đã tiến hành công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của công ty từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 theo các nội dung sau đây :

- Giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các Quy định hiện hành của Nhà nước, triển khai thực hiện giám sát theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

- Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát tình hình tài chính, khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn, việc cân đối dòng tiền, bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát trong kỳ và tình hình thực hiện xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng của Nhà nước trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp nội bộ định kỳ để phân công và triển khai các nhiệm vụ trong năm. Trong năm 2021 Ban Kiểm soát đã có 04 lần họp liên quan chính đến : lập báo cáo giám sát tài chính năm 2020 trình đại hội cổ đông 2021, phân công nhiệm vụ các thành viên thực hiện công tác giám sát năm 2021, chuẩn bị kế hoạch lập Báo cáo giám sát tài chính năm 2021, lập kế hoạch triển khai giám sát năm 2022.

3. Thù lao của Ban Kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát : 1.000.000 đồng/Tháng

Thành viên trong Ban kiểm soát : 500.000 đồng/Người/Tháng

III. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của HĐQT và Ban điều hành

Trong năm 2021 thay mặt Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát sau Đại hội cổ đông ngày 23 tháng 04 năm 2021 đã tham dự tất cả các buổi họp của Hội đồng quản trị, các buổi họp giao ban đầu tuần của Ban điều hành, tại mỗi buổi họp đều có ý kiến góp ý để cơ quan HĐQT và Ban điều hành điều hành bộ máy sản xuất kinh doanh thuận lợi hơn, cũng như góp phần phòng tránh và giảm bớt các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ chế chính sách của Công ty.

Qua giám sát các hoạt động của HĐQT và Ban điều hành; Ban Kiểm soát thấy HĐQT và Ban điều hành đã hoạt động với tinh thần trách nhiệm; tuân thủ Điều lệ hoạt

động của Công ty, các quy định của pháp luật cũng như Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23 tháng 4 năm 2021.

1. Các công việc đã hoàn thành

- Hoàn thành và vượt mức kế hoạch SXKD năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.
- Đã được UBND Thành phố Hà Nội đã ra 02 Quyết định cho CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May thuê 02 thửa đất tại 478 Minh Khai và 454 Minh Khai, thời gian thuê đất 50 năm kể từ ngày 15/10/1993 để làm trụ sở làm việc, trung tâm thí nghiệm, giám định, chứng nhận, nghiên cứu đào tạo, xưởng thực nghiệm, giới thiệu sản phẩm và kinh dịch vụ(đất thương mại dịch vụ)
- Thửa đất tại thành phố Hồ Chí Minh do dịch Covid-19 nên các thủ tục về đất đai chưa thực hiện được.
- Đã ban hành quy chế giám sát tài chính theo ý kiến của tổ công tác Bộ Công thương.

2. Các việc chưa hoàn thành và đang tiếp tục triển khai trong năm 2022

- Đã cập nhật quy chế tài chính, quy chế nghiên cứu khoa học, quy chế chi tiêu nội bộ, điều lệ công ty theo các quy định mới của pháp luật và phù hợp với tình hình hoạt động thực tế hiện nay của công ty chờ Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông thông qua.
- Tiếp tục phối hợp cùng công ty thẩm định VIC làm hồ sơ, chứng thư xác định giá thuê đất tại 02 thửa đất số 478 và 454 Minh Khai trình Sở, Ban, Ngành của thành phố Hà Nội để UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt, trên cơ sở đó làm thủ tục ký hợp đồng thuê đất và làm giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty.
- Tiếp tục làm các thủ tục đất đai thửa đất tại chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh chuyển tên người sử dụng đất từ Viện Dệt May sang Công ty, ký hợp đồng thuê đất và làm giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty.
- Làm thủ tục xin miễn giảm một phần tiền thuế đất tại 02 thửa đất tại Hà nội và 01 thửa đất tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công tác thoái vốn Nhà nước theo chỉ đạo của Bộ Công thương .

3. Công tác đầu tư.

- Tổng mức đầu tư theo kế hoạch : 3.660.000.000, đồng
- Đã thực hiện năm 2021 : 2.545.344.000, đồng
- Trong đó
 - + Đã hoàn thành trong năm 2021(02 thiết bị) : 1.541.100.000, đồng
 - + Đã thực hiện ký hợp đồng 2021 và lắp đặt trong quý 1/2022 (03 thiết bị): 1.004.244.000, đồng.
 - (Đã bao gồm thuế GTGT)
- Không thực hiện (Hủy thầu 01 thiết bị do chưa phù hợp với hệ thống thiết bị): 540.000.000, đồng.
- (Giá đã bao gồm thuế GTGT)

IV . Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 và công tác thẩm định báo cáo tài chính

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch SXKD 2021

Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23 tháng 4 năm 2021 cụ thể như sau :

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

Đơn vị tính :ĐỒNG

Stt	Chi tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	So sánh thực hiện /kế hoạch (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.000.000.000	85.521.502.664	131,6
2	Giá vốn hàng bán	48.270.000.000	70.898.793.157	146,9
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.730.000.000	14.622.709.507	87,4
4	Doanh thu hoạt động tài chính		1.614.497.456	
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	13.230.000.000	12.459.772.908	94,2
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.500.000.000	3.577.368.685	102,2
7	Thu nhập khác		145.221.750	
8	Chi phí khác		96.143.427	
9	Lợi nhuận khác		49.078.323	
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.500.000.000	3.626.447.008	103,6
11	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.800.000.000	3.333.168.844	119
12	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	560	666,6	119
13	Lãi suy giảm trên cổ phiếu			
14	Cổ tức	5%		

Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 so với năm 2020 cho thấy có sự tăng trưởng (Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt 85,5 tỷ, doanh thu năm 2020 đạt 66,1 tỷ) là do Công ty có một số đơn đặt hàng lớn. Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận tăng thấp hơn so với tỷ lệ tăng của doanh thu do phát sinh nhiều chi phí khi hoạt động sản xuất trong thời kỳ dịch bệnh diễn biến phức tạp. Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

2- Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2021	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	77.957.768.874	
Doanh Thu	87.136.000.120	
Thu nhập khác	145.221.750	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.577.368.685	
Lợi nhuận khác	49.078.323	
Lợi nhuận trước thuế	3.626.447.008	
Lợi nhuận sau thuế	3.333.168.844	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2021	Ghichú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2.629	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2.568	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.286	
+ Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0.407	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
+ Vòng quay hàng tồn kho		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (sợi,vải hóa chất)	20.469	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.097	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.039	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.061	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.043	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.171	
<i>5. Hệ số bảo toàn vốn= (Tổng tài sản - Nợ phải trả)/ Vốn đầu tư của chủ sở hữu)</i>	1.02	

3.Thẩm định báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán năm 2021
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		58.568.395.502	28.508.943.428
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.143.431.159	12.581.979.383
1. Tiền	111		3.143.431.159	12.581.979.383
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.090.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	28.090.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.969.160.058	14.778.244.432
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	23.044.985.630	12.370.845.156
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.916.609.349	2.407.399.276
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.565.079	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.356.077.874	689.820.931
1. Hàng tồn kho	141	5.6	1.356.077.874	689.820.931
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.009.726.411	458.898.682
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		493.679.813	447.698.619
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	516.046.598	11.200.063
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250)	200		19.389.373.372	43.659.946.530
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.144.203	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	100.144.203	-
II. Tài sản cố định	220		19.289.229.169	22.159.946.530
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	19.215.841.669	22.128.446.530
- Nguyên giá	222		70.417.817.217	69.438.645.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.201.975.548)	(47.310.199.258)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	73.387.500	31.500.000
- Nguyên giá	228		230.530.000	178.780.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(157.142.500)	(147.280.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	21.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	-	21.500.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		77.957.768.874	72.168.889.958

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		22.278.215.835	17.703.404.210
I. Nợ ngắn hạn	310		22.278.215.835	17.703.404.210
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	347.460.416	308.128.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	178.660.997	174.605.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	13.121.922.895	8.620.103.375
4. Phải trả người lao động	314		1.801.503.605	1.820.710.325
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	5.970.212.373	5.996.576.493
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		858.455.549	783.280.700
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		55.679.553.039	54.465.485.748
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	54.685.119.539	54.506.502.318
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.351.950.695	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.333.168.844	4.506.502.318
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.980.498.587
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.333.168.844	2.526.003.731
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		994.433.500	(41.016.570)
1. Nguồn kinh phí	431	5.14	994.433.500	(41.016.570)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		77.957.768.874	72.168.889.958

Trong quá trình soát xét Báo cáo quyết toán năm 2021 qua các phần chứng từ kế toán, sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán Ban kiểm soát có nhận xét chính như sau:

- Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo.
- Về công tác Tài chính kế toán Công ty đã tuân thủ Luật pháp trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; Nghiêm chỉnh chấp hành việc kê khai và nộp thuế đầy đủ, đúng hạn cho Ngân sách Nhà nước cũng như việc kê khai, thanh toán đầy đủ, đúng hạn trong việc chi trả Tiền lương cho CBCNV và đóng đầy đủ BHXH, BHYT phát sinh trong kỳ .

- Trong Báo cáo quyết toán năm 2021 khoản tiền thuê đất, Công ty VTRI đã tạm trích phần tiền thuê đất phải trả ở thửa đất tại 128A/345 Đường Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP Hồ Chí Minh và tại Hà Nội với 02 thửa đất tại số 24 ngõ 454 và thửa đất số 478 tại phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội năm 2021 là 4.710.822.237, đồng (Bốn tỉ bảy trăm mười triệu tám trăm hai mươi hai nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng), lũy kế đến 31/12/2021 là 12.432.478.392, đồng (Mười hai tỉ bốn trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm chín hai đồng). Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các sở ban ngành để ký hợp đồng thuê đất lúc đó mới xác định rõ ràng mức nộp tiền thuê đất cụ thể mỗi năm.
- Về vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2021 là 54.685.119.539, đồng (Năm mươi tư tỉ sáu trăm tám mươi lăm triệu một trăm mười chín nghìn năm trăm ba mươi chín đồng).

Vốn của cổ đông được bảo toàn và phát triển hệ số bảo toàn vốn tại thời điểm ngày 31/12/2021 là 1,02.

- Về sử dụng nguồn vốn: đã phát huy được trong việc sử dụng nguồn vốn an toàn hiệu quả tăng thu nhập tài chính.
- Khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty luôn đảm bảo do hệ số thanh toán ngắn hạn trong năm luôn đảm bảo >1.
- Về thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng ưu đãi về Thuế TNDN trong lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo Thông tư số 03/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc hướng dẫn về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ. VTRI được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2021 là năm thứ hai Công ty áp dụng miễn thuế đối với thu nhập từ kết quả kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.
Thuế suất Thuế TNDN đối với các hoạt động khác là 20%.
- Về kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021: Ban kiểm soát thống nhất với những nội dung của báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, tại Báo cáo Kiểm toán độc lập số 071/2022/BCKT-CPA VIETNAM -NV5 ngày 04 tháng 03 năm 2022 của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

V. Kế hoạch giám sát năm 2022

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị Công ty;
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành theo chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế nội bộ Công ty;

- Thực hiện giám sát tình hình thực hiện xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra, của các cơ quan quản lý Nhà nước;
 - Xem xét thẩm định báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của Công ty.
- Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban kiểm soát, kính trình Đại hội.

TM. Ban Kiểm Soát
Trưởng Ban Kiểm soát

Nơi gửi:

- ĐHĐCĐ
- HĐQT
- lưu BKS



Phạm Hoàng Minh

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

THẺ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

- Mã cổ đông:

- Tên cổ đông:

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD:

- Số cổ phần sở hữu/đại diện:

 cổ phần

Nội dung biểu quyết:

- Đoàn Chủ tịch
- Đoàn Thư ký.
- Ban kiểm phiếu Đại hội
- Chương trình Đại hội
- Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội
- Thể lệ bầu cử
- Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Ghi chú: Thẻ Biểu quyết này chỉ có giá trị trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May, dùng cho việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

**PHIẾU BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CTCP - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY**

- Mã cổ đông:
- Tên cổ đông/người đại diện:
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD:
- Số cổ phần biểu quyết: **cổ phần**

STT	Nội dung thông qua	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1	Báo cáo hoạt động của HĐQT về việc giám sát quản lý, điều hành SXKD của CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.			
2	Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty:			
	2.1 Kết quả hoạt động SXKD năm 2021			
	2.2 Kế hoạch SXKD năm 2022			
3	Báo cáo của BKS năm 2021 và kế hoạch giám sát năm 2022			
4	Tờ trình thông qua kết quả SXKD 2021 và kế hoạch SXKD 2022			
5	Tờ trình: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021			
6	Tờ trình: Phương án phân phối lợi nhuận & chi trả cổ tức năm 2021			
7	Tờ trình: Thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022			
8	Tờ trình: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022			
9	Tờ trình: Sửa đổi, bổ sung điều lệ CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May			

(Quý Cổ đông đánh dấu X vào ô ý kiến lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết)

Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2022

- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:

- + Phiếu không do Cty phát hành
- + Phiếu không có chữ ký của cổ đông/ đại diện cổ đông.
- + Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu ghi thêm nội dung không do Chủ tọa Đại hội yêu cầu.

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022
CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

PHIẾU BẦU CỬ BỔ SUNG/MIỄN NIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CTCP - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY NHIỆM KỲ 2018-2023

1. Thông tin chung cổ đông tham gia bầu cử:

- Mã cổ đông:
- Tên cổ đông:
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD:
- Số cổ phần sở hữu/đại diện: cổ phần

2. Miễn nhiệm

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên người được miễn nhiệm</i>	<i>Đồng ý</i>	<i>Không đồng ý</i>
1	Bà Ngô Thị Hương		
2	Bà Trần Thị Quỳnh Hoa		

3. Bầu cử:

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên người được bầu</i>	<i>Đồng ý</i>	<i>Không đồng ý</i>
1	Bà Nguyễn Thanh Hương		
2	Bà Phạm Thị Hôi		

3. Hướng dẫn:

- Cổ đông gạch chéo (X) vào ô **Đồng ý** hoặc **Không đồng ý**.

CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

GIẤY ỦY QUYỀN

Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022
Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May

1. Bên ủy quyền

Tên cổ đông:
Số CMND/ĐKKD:; Cấp ngày:; Tại:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Hiện đang sở hữu: cổ phần của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May.
(Bằng chữ: cổ phần)

2. Bên nhận ủy quyền

Ông (bà):
Số CMND:; Cấp ngày:; Tại:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Số cổ phần ủy quyền:

3. Nội dung ủy quyền:

- Được quyền thay mặt người ủy quyền tham dự phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May vào hồi **8 giờ 30 phút, Thứ năm, ngày 28 tháng 4 năm 2022.**
- Có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

4. Thời hạn ủy quyền: Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May.

5. Trách nhiệm của các bên: Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền cho bên thứ 3 thực hiện các công việc đã được ủy quyền.

Các bên cam kết chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Người được ủy quyền khi tham gia Đại hội mang theo CMND/Hộ chiếu, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền bản gốc).

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

PHIẾU XÁC NHẬN

**Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May**

Tên cổ đông (cá nhân/Tổ chức):

Số CMND/CCCD/GCNĐKDN:; Cấp ngày:

Tại:

Địa chỉ thường trú/Trụ sở:

Điện thoại:

Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện: cổ phần.

(Bằng chữ: cổ phần)

Xác nhận tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May, tổ chức vào Thứ năm, ngày 28 tháng 4 năm 2022 như sau:

Í: Trực tiếp tham dự.

Í: Ủy quyền tham dự:

Ủy quyền cho Ông/Bà:

Số CMND/CCCD:, cấp ngày/...../..... tại

..... tham dự.

Í: Không tham dự

....., ngày tháng năm 2022

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Đề nghị Quý Cổ đông gửi **Phiếu xác nhận** tham dự cho **CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May**

Địa chỉ: Số 478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Email: info@viendetmay.org.vn

Điện thoại: 024.38624025

Fax: 024.38622867

Thời gian: Trước 11h30 Thứ tư, ngày 27 tháng 4 năm 2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT BIỂU
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

**Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022
của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May**

Họ và tên cổ đông:
CMTND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số: cấp ngày: tại:
Điện thoại:
Mã số cổ đông:
Số cổ phần sở hữu/đại diện: cổ phần
Đăng ký phát biểu tại đại hội các nội dung cụ thể như sau:

1.
2.
3.
4.
5.
6.

Đề nghị Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May xác nhận vào danh sách Cổ đông/Đại diện cổ đông tham gia phát biểu tại Đại hội với các nội dung như trên.

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là pháp nhân)

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

**QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần (CTCP) – Viện Nghiên cứu Dệt May (Công ty),

Đề cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 của Công ty được thành công, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các Cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, Ban Tổ chức Đại hội kính trình ĐHCĐ thông qua **Quy chế làm việc và biểu quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022 của CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May** với các nội dung sau:

Điều 1. Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội

- Các Cổ đông của Công ty có tên trong danh sách chốt ngày **04/4/2022** của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đều có quyền tham dự ĐHCĐ CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May.

- Cổ đông có quyền tham dự Đại hội có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập tại Điều lệ Công ty có quyền đề xuất các nội dung đưa vào chương trình họp. Đề xuất phải được lập thành văn bản và gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội.

- Mỗi Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMTND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD) và Thư mời tham dự nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông để kiểm tra, nhận **Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử** có: Mã số cổ đông; Tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu có quyền biểu quyết/Số CMTND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD.

- Phát biểu và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình Đại hội thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và Điều lệ CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May.

Điều 4. Ban Thư ký Đại hội

- Ban Thư ký gồm 02 người do Đoàn Chủ tịch cử và được Đại hội biểu quyết thông qua. Ban Thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch và Đại hội đồng cổ công về nhiệm vụ của mình.
- Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Đoàn Chủ tịch, như: Ghi chép biên bản về diễn biến cuộc họp Đại hội, dự thảo các văn kiện, kết luận và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu; trình bày trước Đại hội về Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội.
- Tiếp nhận Phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông.

Điều 5. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

- Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội và báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông.

Điều 6. Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu

- Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên và không phải là các nhân sự được đề cử, hoặc ứng cử vào thành viên Ban Kiểm soát. Ban Bầu cử do Đoàn Chủ tịch Đại hội đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua trước Đại hội.
- Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu ghi nhận kết quả biểu quyết của Cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội, tổng hợp và báo cáo kết quả biểu quyết từng vấn đề cho Đoàn Chủ tịch để công bố trước Đại hội.
- Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cổ đông nếu để xảy ra sai phạm.

Ban Bầu cử kiêm Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Đối với việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội (*Đoàn Chủ tịch; Đoàn Thư ký; Ban kiểm phiếu Đại hội; Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Thẻ lệ bầu cử; Biên bản và Nghị quyết Đại hội, ...*):
 - + Hướng dẫn cổ đông đến tham dự Đại hội cách sử dụng Thẻ biểu quyết;
 - + Thực hiện việc kiểm đếm số phiếu biểu quyết theo từng loại: Đồng ý; Không đồng ý; Không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết;
 - + Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội;
 - + Tổng hợp và báo cáo Đoàn Chủ tịch kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội.
- Đối với việc bầu cử thành viên BKS và biểu quyết thông qua các Tờ trình:
 - + Hướng dẫn Thẻ lệ bầu cử.
 - + Tiến hành thu và kiểm đếm Phiếu bầu cử/Phiếu biểu quyết.
 - + Tiến hành lập Biên bản kiểm phiếu bầu cử/biểu quyết.
- Báo cáo kết quả kiểm phiếu (*Biên bản kiểm phiếu*) trước Đại hội.

- Bàn giao Biên bản kết quả kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử/biểu quyết cho Đoàn Chủ tịch.
- Cùng Đoàn Chủ tịch Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội quyết định.

Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp Đại hội.

Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội

- Cuộc họp Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày theo lịch cụ thể do Ban tổ chức Đại hội thông báo.
- Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình ĐHĐCĐ thường niên CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May.
- Các Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền muốn phát biểu ý kiến phải:
 - + Đăng ký và nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông đăng ký phát biểu đã đăng ký trước trong giấy mời họp Đại hội đồng cổ công sẽ được ưu tiên phát biểu trước;
 - + Được sự chấp thuận của Đoàn Chủ tịch Đại hội;
 - + Nội dung phát biểu phải ngắn gọn, đúng thời gian tham luận và phù hợp với Chương trình Đại hội.

Điều 9. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

- Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.
- Trường hợp có thay đổi Chương trình họp đã được gửi kèm theo Giấy mời họp cho cổ đông, các thay đổi phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 10. Thẻ lệ biểu quyết và thông qua quyết định tại Đại hội

- Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông đến dự Đại hội sẽ được phát 1 Thẻ biểu quyết, 1 Phiếu biểu quyết và 1 Phiếu bầu cử có ghi mã số của cổ đông/đại diện cổ đông và tổng số cổ phần cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng.

Thẻ biểu quyết: Đối với các nội dung (*Thông qua nhân sự Đoàn Chủ tịch; Đoàn Thư ký; Ban kiểm phiếu Đại hội; Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Thẻ lệ bầu cử; Biên bản và Nghị quyết Đại hội, ...*) cùng một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại Đại hội cần thống nhất trước khi biểu quyết, thông qua bằng Thẻ biểu quyết.

Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến”. Việc xác định kết quả biểu quyết được tiến hành bằng cách đếm số Thẻ biểu quyết “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến”. Trường hợp cổ đông

không giờ *Thẻ biểu quyết* thì coi như không có ý kiến. Với từng vấn đề xin ý kiến, cổ đông chỉ được giờ *Thẻ biểu quyết* một lần.

Kết quả kiểm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi biểu quyết từng nội dung.

Phiếu biểu quyết: Đối với các nội dung các báo cáo của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc Công ty và các Tờ trình (*Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận & chi trả cổ tức năm 2021; Kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022; Thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022; Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022; Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023, Sửa đổi, bổ sung Điều lệ CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May, ...*) được thông qua bằng *Phiếu biểu quyết*. Cổ đông biểu quyết bằng cách ghi “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến”.

Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông/đại diện ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

- Việc bầu bổ sung/miễn nhiệm thành viên BKS được thực hiện theo Thẻ lệ bầu cử.

Điều 11. Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ

- Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu theo quy định.

Điều 12. Điều khoản thi hành

- Quy chế làm việc này được đọc và thông qua trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May.

- Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

BTC ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CTCP – VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

SƠ YẾU LÝ LỊCH
Thành viên ứng cử BKS CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May
 nhiệm kỳ 2018 – 2023

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa): PHẠM THỊ HÒI
- 2) Tên gọi khác:
- 3) Sinh ngày: 20 tháng 08 năm 1981, Giới tính: Nữ
- 4) Nơi sinh: Xã Quyết Tiến, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình.
- 5) Quê quán: Xã Quyết Tiến, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình.
- 6) Dân tộc: Kinh, 7) Tôn giáo: Không.
- 8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 7, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
(Số nhà, đường phố, thành phố, xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay: Tổ 7, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
(Số nhà, đường phố, thành phố, xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng: Kế toán viên.
- 11) Ngày tuyển dụng: 01/12/2006, Cơ quan tuyển dụng: Công ty cổ phần Dệt sợi Damsan
- 12) Chức vụ (chức danh) hiện tại: Chuyên viên.
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)
- 13) Công việc chính được giao:
- 14) Ngạch lương viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành; Nhóm chức danh: Chuyên viên.
Mức lương: 13.000.000 đồng, Ngày hưởng: 12/11/2021
- 15.1- Trình độ giáo dục phổ thông: 12/12.
- 15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất: Cử nhân.
- 15.3- Lý luận chính trị: Sơ cấp
- 15.4- Ngoại ngữ: Anh B
- 15.5- Tin học: Văn phòng.
(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D.....) (Trình độ A, B, C,.....)
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 20/12/2014, Ngày chính thức: 20/12/2015.
- 17) Tình trạng sức khoẻ: BT, Chiều cao 1.58:, Cân nặng: 48kg, Nhóm máu: O
- 18) Số chứng minh nhân dân: 151226502; Ngày cấp: 29/11/2013.
- 19) Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học

Tên trường	Chuyên ngành đào	Từ tháng, năm -	Hình thức	Văn bằng, chứng
------------	------------------	-----------------	-----------	-----------------

	<i>tạo, bồi dưỡng</i>	<i>đến tháng, năm</i>	<i>đào tạo</i>	<i>chỉ, trình độ</i>
Trường Trung học Thương mại TW2	Kế toán	2000-2002	Chính quy	Bằng TH
Trường Học viện tài chính kế toán	Kế toán doanh nghiệp	2001-2005	Tại chức	Bằng cử nhân

20) Tóm tắt quá trình công tác

<i>Từ tháng, năm đến tháng, năm</i>	<i>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ)</i>
Từ năm 2004 đến 2006	Nhân viên kế toán – Công ty TNHH Kiến trúc Rồng Việt – Đà Nẵng.
Từ năm 2006 đến 2008	Nhân viên kế toán – Công ty CP dệt sợi Damsan
Từ năm 2008 đến 2012	Phó phòng Tổ chức nhân sự – Công ty CP dệt sợi Damsan
Từ năm 2015 đến 2017	Phó phòng Tổ chức nhân sự – Công ty CP Damsan
Từ năm 2017 đến 2018	Phó giám đốc Ban quản lý dự án – Công ty CP Damsan
Từ năm 2019 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát – Công ty CP Damsan

21) Quan hệ gia đình

a) Về bản thân: Cha, Mẹ, chồng, các con, anh chị em ruột

<i>Mối quan hệ</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội)</i>
Cha đẻ	Phạm Văn Hằng	1943	Quyết Tiến, Kiến Xương, Thái Bình Nghề nghiệp: Cán bộ Đã chết
Mẹ đẻ	Đinh Thị Hạnh	1944	Quyết Tiến, Kiến Xương, Thái Bình Nghề nghiệp: Đã nghỉ hưu
Anh ruột	Phạm Thái Hà	1975	Ngõ 58 Trường Chinh, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội Nghề nghiệp: Phó ban tài chính tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chồng	Đỗ Trung Thành	1976	Tổ 7, Phường Quang Trung, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình Nghề nghiệp: Nghề nghiệp: Bộ đội
Con trai	Đỗ Tuấn Anh	2005	Học sinh cấp 3

Con gái	Đỗ Thị Nguyệt Minh	2012	Học sinh cấp 1
---------	--------------------	------	----------------

b) Về bên chồng: Cha, Mẹ, anh chị em ruột

<i>Mối quan hệ</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội)</i>
Cha chồng	Đỗ Đình Thụ	1947	Tân Hòa, Vũ Thư, Thái Bình Nghề nghiệp: Đã nghỉ hưu
Mẹ chồng	Lại Thị Nhị	1947	Tân Hòa, Vũ Thư, Thái Bình Nghề nghiệp: Đã nghỉ hưu
Em chồng	Đỗ Thị Hồng Thanh	1979	Minh Lãng, Vũ Thư, Thái Bình Nghề nghiệp: Giáo viên
Em chồng	Đỗ Thị Thanh Thủy	1981	Hồng Lý, Vũ Thư, Thái Bình Nghề nghiệp: Giáo viên

Xác nhận của đơn vị công tác

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Người khai

Phạm Thị Hồi

SƠ YẾU LÝ LỊCH
Thành viên ứng cử BKS CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May
nhiệm kỳ 2018 – 2023

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa): **NGUYỄN THANH HƯƠNG**
- 2) Tên gọi khác: Không.
- 3) Sinh ngày: 14 tháng 11 năm 1986, Giới tính: Nữ
- 4) Nơi sinh: TP. Hà Nội.
- 5) Quê quán: phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.
- 6) Dân tộc: Kinh,
- 7) Tôn giáo: Không.
- 8) Nơi đăng ký bộ khẩu thường trú: Số 67 phố Tân Ấp, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, TP Hà Nội.
- 9) Nơi ở hiện nay: Phòng 2105 tòa Park 6 – Khu đô thị Timescity, 458 Minh Khai phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
(Số nhà, đường phố, thành phố, xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng: Chuyên viên.
- 11) Ngày tuyển dụng: 01/10/2019, Cơ quan tuyển dụng: CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May.
- 12) Chức vụ (chức danh) hiện tại: Chuyên viên.
- 13) Công việc chính được giao: Chuyên viên phòng Điều hành
- 14) Ngạch lương viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành;
Nhóm chức danh: Chuyên viên.
- 15.1- Trình độ giáo dục phổ thông: 12/12.
- 15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất: Cử nhân.
- 15.3- Ngoại ngữ: Anh B
- 15.4- Tin học: Văn phòng.
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 24/4/2014, Ngày chính thức: 24/4/2015.
- 17) Tình trạng sức khỏe: BT, Chiều cao 1m60, Cân nặng: 60 kg, Nhóm máu: B.
- 18) Số chứng minh nhân dân: 001186027757; Ngày cấp: 03/06/2019
- 19) Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học

<i>Tên trường</i>	<i>Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng</i>	<i>Từ tháng, năm - đến tháng, năm</i>	<i>Hình thức đào tạo</i>	<i>Văn bằng, chứng chỉ, trình độ</i>
Cao Đẳng kinh tế kỹ thuật thương mại	Kế toán	2004-2007	Chính quy	Bằng Tốt nghiệp
Trường Học Viện Tài Chính	Tài chính doanh nghiệp	2007-2011	Vừa học vừa làm	Bằng cử nhân
Trường Đại học Lao động xã hội – TT Đào tạo, bồi	Kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên	20/3/2012 đến 20/06/2012	Đào tạo	Chứng chỉ

dưỡng cán bộ, công chức				
Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Tổ chức hành chính	26/11/2013 đến 28/11/2013	Đào tạo	Chứng chỉ

20) Tóm tắt quá trình công tác

<i>Từ tháng, năm đến tháng, năm</i>	<i>Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ,.....</i>
Từ tháng 10/2010 đến tháng 09/2019	Kế toán viên Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
Từ tháng 10/2019 đến nay	Chuyên viên – Công Ty Cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May

21) Quan hệ gia đình

a) Về bản thân: Cha, Mẹ, chồng, các con, anh chị em ruột

<i>Mối quan hệ</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội)</i>
Cha đẻ	Nguyễn Thế Hạnh	1958	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội Nghề nghiệp: Đã nghỉ hưu.
Mẹ đẻ	Nguyễn Thị Loan	1962	Hà sơn Bình – Hà Tây cũ. Nghề nghiệp: Kinh doanh
Em ruột	Nguyễn Thế Toàn	1990	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội Nghề nghiệp: Chuyên viên
Chồng	Hoa Anh Quân	1980	Phòng 2105 tòa Park 6 – Khu đô thị Timescity, 458 Minh Khai phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trung, Hà Nội. Nghề nghiệp: Giám định viên
Con trai	Hoa Xuân Dương	2017	Học sinh mầm non

b) Về bên chồng: Cha, Mẹ, anh chị em ruột

<i>Mối quan hệ</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội)</i>
Cha chồng	Hoa Xuân Thuận	1958	Đã mất
Mẹ chồng	Tạ Thị Song Huyền	1959	Phòng 2105 tòa Park 6 – Khu đô thị Timescity, 458 Minh Khai phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Nghề nghiệp: Nội trợ

Em chồng	Hoa Thị Lệ Quyên	1985	Phòng 0704 tòa Park 6 – Khu đô thị Timescity, 458 Minh Khai phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Nghề nghiệp: Kinh doanh
-------------	---------------------	------	--

Hà Nội, ngày *04* tháng *4* năm 2022
Người khai

Xác nhận của đơn vị công tác



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Diệp Linh

Nguyễn Thanh Hương

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

**THẺ LỆ BẦU CỬ/MIỄN NHIỆM
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần (CTCP) - Viện Nghiên cứu Dệt May,

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May quy định Thẻ lệ bầu cử bổ sung/miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023 như sau:

Điều 1: Nguyên tắc bầu cử:

- Bầu cử đúng luật, đúng điều lệ, đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.
- Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội đồng cổ đông.
- Mỗi cổ phần phổ thông có phiếu biểu quyết. Quyền bầu cử, kết quả bầu cử, biểu quyết tính theo số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.

Điều 2: Đối tượng thực hiện bầu cử

Tất cả các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May tại ngày 04 tháng 4 năm 2022 là ngày chốt quyền tham dự Đại hội, có quyền được tham gia thực hiện bầu cử.

Điều 3: Số lượng bầu cử/miễn nhiệm thành viên BKS:

- Số lượng thành viên BKS miễn nhiệm là 02 thành viên.
- Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung là 02 thành viên. Thành viên BKS phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định trong Điều lệ Công ty.

Điều 4: Phương thức bầu cử:

- Mỗi cổ đông có số phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, được ủy quyền và đại diện (nếu có).
- Ứng cử viên BKS đáp ứng các tiêu chuẩn quy định trong Dự thảo Điều lệ Công ty.

- Mỗi cổ đông tham gia được phát một phiếu bầu thành viên BKS cho toàn bộ số cổ phần sở hữu, đại diện và được ủy quyền (nếu có).

Điều 5: Thủ tục và hình thức tiến hành bầu cử

5.1 Phiếu bầu cử

* **Hình thức phiếu bầu cử:** Phiếu bầu thành viên BKS được in trên giấy và có đóng dấu treo của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May.

* **Nội dung phiếu bầu cử:**

- Mã số cổ đông; Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện (nếu có);

- Danh sách thành viên BKS.

- Một số lưu ý quan trọng.

- Chữ ký xác nhận của cổ đông/đại diện được cổ đông ủy quyền.

* **Phiếu bầu hợp lệ:** Là các phiếu bầu theo mẫu in sẵn do CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May phát hành, có dấu treo, không được tẩy xóa, cạo sửa.

* **Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:**

- Phiếu không do Ban bầu cử phát ra.

- Phiếu bị rách, gạch, sửa nội dung.

- Bầu thành viên không có trong danh sách đề cử.

- Phiếu không kí tên.

* **Trường hợp xem không tham gia bầu cử:**

- Các cổ đông có tham dự Đại hội mà không bỏ phiếu bầu cử thì số phiếu bầu của cổ đông đó được xem là không tham gia bầu cử.

5.2 Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

* **Ban kiểm phiếu:** 03 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua (*Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong Danh sách bầu thành viên BKS*), có trách nhiệm:

- Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Thể lệ bầu cử.

- Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu và tổ chức bầu cử.

- Tiến hành kiểm phiếu.

- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

* **Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu ngay khi cuộc bỏ phiếu kết thúc.

- Ban kiểm phiếu phải kiểm tra tính hợp lệ của từng lá phiếu và ghi lại kết quả.

- Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho ứng cử viên vào BKS.

- Toàn bộ lá phiếu kiểm xong phải được niêm phong và bàn giao cho Chủ tọa Đại hội.

Điều 6: Quy định người trúng cử/miễn nhiệm BKS

- Người trúng cử/miễn nhiệm thành viên BKS phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với tỷ lệ phần trăm tổng số phiếu biểu quyết ít nhất là: **65%**.

Điều 7: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu; Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số phiếu bầu hợp lệ; Tổng số phiếu bầu không hợp lệ; Số phiếu bầu và tỷ lệ % phiếu bầu trên tổng số cổ phần tham gia bầu cử hợp lệ của ứng cử viên vào BKS.

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội thông qua.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra kết quả bầu cử một cách khách quan, chính xác và lập biên bản kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử được công nhận sau khi thông qua Biên bản bầu cử tại Đại hội.

- Ban kiểm phiếu phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả bầu cử.

Điều 8: Giải quyết khiếu nại

- Các thắc mắc, khiếu nại về công tác bầu cử (*nếu có*) do Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông giải quyết.

- Mỗi cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề liên quan về công tác bầu cử, nếu xét thấy có dấu hiệu vi phạm quy định của Luật và Điều lệ Công ty.

Điều 9: Hiệu lực thi hành

- Thê lệ bầu cử này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.

- Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ từ 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả cổ đông.

**BAN BẦU CỬ TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022 CỦA CTCP-VIỆN NGHIÊN CỨU
DỆT MAY**

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần (CTCP) - Viện Nghiên cứu Dệt May (Công ty);
- Căn cứ việc kiểm tra tư cách đại biểu và sổ đăng ký cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May,

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút Thứ năm ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Hội trường tầng 4 CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May, 478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May, chúng tôi gồm:

- + Bà Nguyễn Thanh Hương - Trưởng Ban;
- + Ông/Bà: Đại diện CTCP Đam San - Ủy viên;
- + Bà Phạm Thị Diệu Lan - Thư ký.

Ban kiểm tra tư cách đại biểu cổ đông tham dự Đại hội công bố kết quả kiểm tra như sau:

Tính đến giờ phút ngày 28 tháng 4 năm 2022, CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May có vốn điều lệ thực tế cổ đông góp là cổ phần, có nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư là các tổ chức, tính theo danh sách cổ đông chốt tại thời điểm **ngày 04 tháng 4 năm 2022**.

Kết quả kiểm tra tư cách đại biểu:

Tham gia Đại hội cổ đông gồm đại biểu (sở hữu và đại diện theo ủy quyền) đại diện cho cổ phần.

Số đại biểu đủ tư cách tham gia đại hội là đại biểu sở hữu và đại diện sở hữu cho cổ phần.

Tỷ lệ cổ phần tham dự/ tổng cổ phần đã phát hành của Công ty: %

Căn cứ theo quy định tại Điều 145 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May, ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty đủ điều kiện tiến hành.

THƯ KÝ

TRƯỞNG BAN

Số : /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội cổ đông Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May,

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần (CTCP) - Viện Nghiên cứu dệt may (Công ty);

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các qui định của Pháp luật, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 về việc lựa chọn công ty kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được nhiều công ty đại chúng tin cậy, có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm và nhiệt tình trong công việc;
- Việc kiểm toán phải tuân thủ các qui định của chuẩn mực kiểm toán, hệ thống kế toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán quốc tế;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, chất lượng và tiến độ kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất các công ty Kiểm toán

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIỆT NAM: Địa chỉ Tầng 8 tòa nhà Văn phòng VG số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO: Địa chỉ số 2 ngõ 308 phố Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán ATCViệt Nam: Địa chỉ Tầng 2 tòa nhà vietsale, 32C-D Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Kiến nghị của HĐQT

Với các đề xuất nêu trên, HĐQT kính trình Đại hội cổ đông thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán nêu tại mục 2 và giao cho Giám đốc CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May ký hợp đồng cung cấp dịch vụ

kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn để thực hiện việc kiểm toán và rà xét Báo cáo tài chính năm 2022.

HĐQT kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công Thương;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: Thư ký Công ty.

Số:/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày.....tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH

DỰ THẢO

Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát
CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May nhiệm kỳ 2018 - 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần (CTCP) - Viện Nghiên cứu Dệt May (Công ty);

Căn cứ Công văn số/BCT-TCCB của Bộ Công Thương ngày .../.../2022 về việc phê duyệt chủ trương miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS CTCP-Viện Nghiên cứu Dệt May nhiệm kỳ 2018-2023;

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật, Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm và giới thiệu bổ sung thành viên Ban kiểm soát (BKS) Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023 như sau:

1. Miễn nhiệm:

* Bà Ngô Thị Hương, thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023:

- Ngày bắt đầu là thành viên BKS: 23/04/2021.

- Đơn vị công tác: Phòng Điều hành - CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May.

* Bà Trần Thị Quỳnh Hoa

- Ngày bắt đầu là thành viên BKS: 19/09/2018.

- Đơn vị công tác: Công ty CP Đam San.

2. Bầu bổ sung:

* Bà Nguyễn Thanh Hương là thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023:

- Đơn vị công tác: Phòng Điều hành - CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May.

* Bà Phạm Thị Hôi là thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023:

- Đơn vị công tác: Công ty CP Đam San.

3. Kiến nghị của HĐQT

Với đề xuất nêu trên, HĐQT kính trình Đại hội cổ đông biểu quyết thông qua

miễn nhiệm Bà Ngô Thị Hương, Bà Trần Thị Quỳnh Hoa và bầu bổ sung Bà Nguyễn Thanh Hương, Bà Phạm Thị Hồi là thành viên Ban kiểm soát CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May nhiệm kỳ 2018 – 2023.

HĐQT kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công Thương;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: Thư ký Công ty.

Số: /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May (Công ty);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 ngày 23 tháng 04 năm 2021 của Công ty;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, Báo cáo Kiểm toán độc lập số 071/2022/BCKT-CPA VIETNAM -NV5 ngày 04/03/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam,

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty kính trình ĐHCĐ xem xét và thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Phân phối Lợi nhuận 2021		Ghi chú
		Tỷ lệ	Số tiền	
1	LNST tại 31/12/2021 chưa phân phối		3.333.168.844	
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021	100%	3.333.168.844	
2.1	Quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động	6%	200.000.000	
2.2	Quỹ thưởng cho người quản lý công ty	0,6%	20.000.000	
2.3	Chia cổ tức cho cổ đông tối đa 5% vốn điều lệ	75%	2.500.000.000	
2.4	Quỹ đầu tư phát triển	18,4%	613.168.844	

Cổ tức được chia bằng tiền mặt.

ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ ý kiến chỉ đạo của Bộ Công Thương và văn bản đồng thuận của Bộ Tài chính về phương án phân phối lợi nhuận

sau thuế của Công ty để quyết định thời gian và triển khai chi tiết việc phân phối lợi nhuận của năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công Thương;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCKT, Thư ký Công ty.

Số:/TTTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v thông qua báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May (Công ty);

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQHĐQT-VTRI ngày 11/3/2022 của HĐQT Công ty;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, cụ thể như sau:

Báo cáo tài chính năm 2021 (đã được đăng tải trên website: www.viendetmay.org.vn) bao gồm:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập;
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
3. Bảng cân đối kế toán;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua./.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công Thương;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu: Thư ký Công ty.

DỰ THẢO

V/v thu lao

TỜ TRÌNH

cho thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May (Công ty);

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty kính trình ĐHCĐ xem xét và thông qua thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2022 như sau:

- Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT: 25.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên HĐQT (*không chuyên trách*): 3.000.000 đồng/người/tháng.

- Ban Kiểm soát:

+ Trưởng BKS (*chuyên trách*): 17.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên BKS (*không chuyên trách*): 500.000 đồng/người/tháng.

+ Thư ký Công ty (*không chuyên trách*): 500.000 đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

(*Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình*).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công Thương;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: Thư ký Công ty.

Số: /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May (Công ty);

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty,

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua kết quả SXKD 2021 và kế hoạch SXKD 2022 như sau:

1. Kết quả hoạt động SXKD 2021:

Đơn vị tính: đồng.

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.000.000.000	85.521.502.664	131,6
2	Giá vốn hàng bán	48.270.000.000	70.898.793.157	146,9
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.730.000.000	14.622.709.507	87,4
4	Doanh thu hoạt động tài chính		1.614.497.456	
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	13.230.000.000	12.459.772.908	94,2
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.500.000.000	3.577.368.685	102,2
7	Thu nhập khác		145.221.750	
8	Chi phí khác		96.143.427	
9	Lợi nhuận khác		49.078.323	
10	Tổng lợi nhuận kế toán	3.500.000.000	3.626.447.008	103,6

	trước thuế			
11	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.800.000.000	3.333.168.844	119

2. Kế hoạch hoạt động SXKD 2022:

STT	Các chỉ tiêu tài chính	Kế hoạch 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (đồng)	90.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	3.850.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	3.507.777.778
4	Tiền lương CBCNV (đồng/người/tháng)	11.000.000
5	Các khoản nộp Ngân sách Nhà nước (đồng)	10.000.000.000
6	Đầu tư mua sắm trang thiết bị và nâng cấp cơ sở hạ tầng (đồng)	3.200.000.000
7	Đầu tư các dự án thành lập Nhà máy may, Nhà máy sợi, Nhà máy nhuộm và Dự án xây dựng tòa nhà văn phòng, Trung tâm thí nghiệm, Chứng nhận và dịch vụ (dự kiến)	

- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022: 5%.

Mức trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi căn cứ kết quả SXKD, HĐQT trình tỷ lệ cụ thể để ĐHĐCĐ thường niên quyết định.

HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua./.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công Thương;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu: Thư ký Công ty.

Số : /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
CTCP-Viện Nghiên cứu Dệt May

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần (CTCP) - Viện Nghiên cứu dệt may (Công ty),

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ CTCP-Viện Nghiên cứu Dệt May như sau:

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, Quốc hội đã ban hành Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Trên cơ sở rà soát Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, HĐQT nhận thấy cần xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung, cập nhật Điều lệ tổ chức và hoạt động được nêu kèm theo Tờ trình.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP-Viện Nghiên cứu Dệt May đính kèm Tờ trình. Điều lệ sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Công Thương;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: Thư ký Công ty.

(Đi kèm Tờ trình số:/TTTr-HĐQT ngày tháng 4 năm 2022 của HĐQT CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May)

PHỤ LỤC

NỘI DUNG CHI TIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CTCP – VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

<p>NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH</p> <p>I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p>	<p>NỘI DUNG ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI BỔ SUNG</p> <p>I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</p>	<p>Ghi chú</p>
<p>Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ</p> <p>1.4 “Luật Doanh nghiệp”: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;</p>	<p>Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ</p> <p>1.4 Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;</p>	<p>Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã hết hiệu lực thay thế bằng Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14.</p>
<p>1.5 “Luật Chứng khoán”: Luật Chứng khoán số 70/2006/QH2011 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và các Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm;</p>	<p>1.5 “Luật Chứng khoán”: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;</p>	<p>Luật Chứng khoán số 70/2006/QH2011 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi hết hiệu lực thay thế bằng của Luật chứng khoán 54/2019/QH14</p>
<p>1.6 “Người quản lý”: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Viện, Phó giám đốc Viện, Kế toán trưởng và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác</p>	<p>1.6 Người quản lý doanh nghiệp: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy</p>	<p>Điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của Luật doanh</p>

<p>theo quyết định của Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm</p>	<p>định tại Điều lệ này;</p>	<p>nghiệp 2020 và mô hình tổ chức của công ty</p>
<p>1.8 “Pháp luật”: Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 2 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03/06/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 và Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nếu có) tại từng thời điểm;</p>	<p>1.8 Pháp luật: Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nếu có) tại từng thời điểm;</p>	<p>Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của Pháp luật</p>
<p>1.9 “Người có liên quan”: Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;</p>	<p>1.9 Người có liên quan: Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 45, 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;</p>	<p>Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2020 và Luật chứng khoán 2019</p>
<p>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</p>	<p>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</p>	
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở; Người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của VTR <i>Chi nhánh Công ty cổ phần – Viện Nghiên cứu Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh:</i> Tên tiếng Anh: Branch of Vietnam Textile</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở; Người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của VTRI h) Email: info@viendetmay.org.vn; <i>Chi nhánh Công ty cổ phần – Viện Nghiên cứu Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh:</i></p>	<p>Bổ sung địa chỉ email giao dịch của Công ty và tên viết tắt của chi nhánh Công ty tại TP. HCM</p>

<p>Research Institute Joint Stock Company in HCM City (VTRSI).</p>	<p>Tên tiếng Anh: Branch of Vietnam Textile Research Institute Joint Stock Company in Ho Chi Minh City. Tên viết tắt là: VTRS</p>																																	
<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của VTRI (Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Điều 13 và 14 của Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13).</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của VTRI (Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Điều 12 và 13 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14).</p>																																	
<p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p>	<p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p>																																	
<p>Điều 5. Vốn điều lệ và cổ phần</p> <p>9. Cơ cấu Vốn điều lệ</p>	<p>Điều 5. Vốn điều lệ và cổ phần</p> <p>9. Cơ cấu Vốn điều lệ</p>																																	
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Vốn điều lệ của công ty</th> <th>Số cổ phần</th> <th>Tỷ lệ %</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Cổ phần nhà nước</td> <td>2.872.700</td> <td>57,46</td> </tr> <tr> <td>2. Người lao động tại đơn vị</td> <td>256.300</td> <td>5,12</td> </tr> <tr> <td>Ưu đãi theo năm làm việc</td> <td>169.200</td> <td>3,38</td> </tr> <tr> <td>Mua thêm</td> <td>87.100</td> <td>1,74</td> </tr> <tr> <td>3. Nhà đầu tư khác</td> <td>1.871.000</td> <td>37,42</td> </tr> <tr> <td>Tổng cộng</td> <td>5.000.000</td> <td>100</td> </tr> </tbody> </table>	Vốn điều lệ của công ty	Số cổ phần	Tỷ lệ %	1. Cổ phần nhà nước	2.872.700	57,46	2. Người lao động tại đơn vị	256.300	5,12	Ưu đãi theo năm làm việc	169.200	3,38	Mua thêm	87.100	1,74	3. Nhà đầu tư khác	1.871.000	37,42	Tổng cộng	5.000.000	100	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Vốn điều lệ của công ty</th> <th>Số cổ phần</th> <th>Tỷ lệ %</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Cổ phần nhà nước</td> <td>2.872.700</td> <td>57,454</td> </tr> <tr> <td>2. Nhà đầu tư khác</td> <td>2127.300</td> <td>42,546</td> </tr> <tr> <td>Tổng cộng</td> <td>5.000.000</td> <td>100</td> </tr> </tbody> </table>	Vốn điều lệ của công ty	Số cổ phần	Tỷ lệ %	1. Cổ phần nhà nước	2.872.700	57,454	2. Nhà đầu tư khác	2127.300	42,546	Tổng cộng	5.000.000	100
Vốn điều lệ của công ty	Số cổ phần	Tỷ lệ %																																
1. Cổ phần nhà nước	2.872.700	57,46																																
2. Người lao động tại đơn vị	256.300	5,12																																
Ưu đãi theo năm làm việc	169.200	3,38																																
Mua thêm	87.100	1,74																																
3. Nhà đầu tư khác	1.871.000	37,42																																
Tổng cộng	5.000.000	100																																
Vốn điều lệ của công ty	Số cổ phần	Tỷ lệ %																																
1. Cổ phần nhà nước	2.872.700	57,454																																
2. Nhà đầu tư khác	2127.300	42,546																																
Tổng cộng	5.000.000	100																																
<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VTRI phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VTRI. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VTRI phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VTRI. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p>																																	
	<p>Rút gọn cơ cấu vốn điều lệ phù hợp với thực tế</p>																																	
	<p>Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2020.</p>																																	

<p>Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông biểu quyết phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p>	<p>Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</p>	<p>Điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của điều 132 Luật doanh nghiệp 2020.</p>
<p>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</p>		
<p>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>		
<p>Điều 27. Quyền hạn của Cổ đông</p> <p>3.2 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp:</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn của Cổ đông</p> <p>3.2 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp:</p>	<p>Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 115 và điều 140 Luật doanh nghiệp 2020.</p>
<p>Điều 29. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng bất kỳ Người quản lý nào vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>Điều 29. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng bất kỳ Người quản lý nào vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 165 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 30. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng</p>	<p>Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều chỉnh cho phù</p>

<p>cổ đông</p> <p>2.14 VTRI ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi (20)% tổng giá trị tài sản của VTRI tính theo báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán;</p>	<p>đồng</p> <p>2.14 VTRI ký kết hợp đồng và giao dịch với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 50% vốn điều lệ trở lên; hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn Ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của VTRI tính theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p>	<p>hợp và thuận lợi với công tác quản trị của Công ty; Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 167 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 34. Điều kiện tiến hành hợp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 34. Điều kiện tiến hành hợp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình hợp đã được gửi kèm theo thông báo mời hợp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 145 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>		

<p>Điều 41. Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được Đại hội đồng cổ đông bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Điều 41. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>	<p>Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 154 Luật doanh nghiệp 2020.</p> <p>Bổ sung Mục 2: Tiêu chuẩn thành viên độc lập của HĐQT, Bổ sung mục 3.</p>
<p>Điều 42. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3.2 Các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị 50% vốn điều lệ trở xuống 35% tổng giá trị tài sản trừ xuống tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán của VTRI. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3.14 Cử hoặc thuê người có đủ năng lực, trình độ, đạo đức, sức khỏe đáp ứng được yêu cầu công việc làm Giám đốc Viện, Phó Giám đốc Viện;</p> <p>3.15 Phê duyệt phương án tổ chức, sản xuất kinh doanh của chi nhánh (Phân Viện nghiên cứu dệt may tại TP.HCM) theo đề nghị của Giám đốc</p>	<p>Điều 42. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3.2 Các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị 50% vốn điều lệ trở xuống 35% tổng giá trị tài sản trừ xuống tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán của VTRI. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3.14 Cử hoặc thuê người có đủ năng lực, trình độ, đạo đức, sức khỏe đáp ứng được yêu cầu công việc làm Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty;</p> <p>3.15 Phê duyệt phương án tổ chức, sản xuất kinh doanh của Chi nhánh theo đề nghị của Giám đốc Công ty;</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp và thuận lợi với công tác quản trị của Công ty</p> <p>Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 153 Luật doanh nghiệp 2020</p>

<p>Viện;</p> <p>4.3 Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);</p>	<p>4.3 Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);</p>	
<p>Điều 43. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Viện.</p>	<p>Điều 43. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty.</p>	<p>Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty</p>
<p>VIII. BAN KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 45. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:</p> <p>1.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Viện và Người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành VTRI; Giám sát việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm</p>	<p>VIII. BAN KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 45. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:</p> <p>1.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành VTRI; Giám sát việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền. Chịu</p>	<p>Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 170 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty</p>

<p>quyền. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>1.7 Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của Người quản lý của VTRI quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp, Điều 51 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>4. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Viện và Người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến các hoạt động của VTRI theo yêu cầu của Ban kiểm soát; và Thư ký VTRI phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>6.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc viện và Người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</p>	<p>trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>1.7 Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của Người quản lý của VTRI quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>4. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến các hoạt động của VTRI theo yêu cầu của Ban kiểm soát; và Thư ký VTRI phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>6.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</p>
<p>IX. GIÁM ĐỐC VIỆN, BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ VTRI</p> <p>Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý VTRI</p> <p>Hệ thống quản lý của VTRI phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý VTRI</p> <p>Hệ thống quản lý của VTRI phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. VTRI</p>
	<p>Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty</p>

VTRI có một (01) Giám đốc Viện, các Phó Giám đốc Viện, một (01) Giám đốc điều hành và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Viện (gọi chung là Lãnh đạo Viện). Giám đốc Viện và các Phó Giám đốc Viện, Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức, theo đó:

1. Phó Giám đốc Viện và Giám đốc điều hành là người giúp Giám đốc Viện một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc Viện; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Viện, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền.
2. Kế toán trưởng là người giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Viện chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, tài chính, thống kê; chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật.
3. Theo đề nghị của Giám đốc Viện và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông), VTRI sẽ có một số lượng nhất định các vị trí Người quản lý cần thiết và thích hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý VTRI do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng

có một (01) Giám đốc Công ty, các Phó Giám đốc Công ty và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty (gọi chung là Ban Giám đốc). Giám đốc và các Phó Giám đốc Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức, theo đó:

1. Phó Giám đốc Công ty là người giúp Giám đốc Công ty một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền.
2. Kế toán trưởng là người giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, tài chính, thống kê; chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật.
3. Theo đề nghị của Giám đốc Công ty và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông), VTRI sẽ có một số lượng nhất định các vị trí Người quản lý cần thiết và thích hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý VTRI do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời

<p>thời điểm. Người quản lý phải có sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của VTRI đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>4. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc Viện sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; hợp đồng của những Người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định, mức lương và các chế độ do Giám đốc Viện đề xuất và Hội đồng quản trị phê duyệt.</p>	<p>điểm. Người quản lý phải có sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của VTRI đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>4. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; hợp đồng của những Người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định, mức lương và các chế độ do Giám đốc Công ty đề xuất và Hội đồng quản trị phê duyệt.</p>	
<p>Điều 47. Giám đốc Viện</p> <p>1. Bổ nhiệm:</p> <p>1.1 Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Giám đốc Viện và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.</p> <p>1.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc Viện:</p> <p>a, Có đủ năng lực, hành vi và không thuộc những đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;</p> <p>b, Có trình độ từ Thạc sĩ trở lên và có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề hoạt động chính của VTRI.</p> <p>2. Nhiệm kỳ:</p> <p>Nhiệm kỳ của Giám đốc Viện không quá ba</p>	<p>Điều 47. Giám đốc Công ty</p> <p>1. Bổ nhiệm:</p> <p>1.1 Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.</p> <p>1.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc Công ty:</p> <p>a, Có đủ năng lực, hành vi và không thuộc những đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;</p> <p>b, Có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề hoạt động chính của VTRI.</p> <p>2. Nhiệm kỳ:</p> <p>Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty không quá</p>	<p>Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty</p> <p>Điều chỉnh cho phù hợp và thuận lợi với công tác quản trị của Công ty</p>

<p>(03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p> <p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ:</p> <p>Giám đốc Viện có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>3.1 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; Kế hoạch nghiên cứu khoa học; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Viện đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>3.2 Quyết định các vấn đề, không cần có ý kiến của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt VTRI ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, hợp đồng nghiên cứu khoa học, giao dịch quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp khi được người đại diện theo pháp luật ủy quyền; Được sử dụng toàn bộ các nguồn lực của Viện để tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của VTRI theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>3.4 Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc Viện phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;</p> <p>3.9 Giám đốc Viện sẽ là người đại diện cho VTRI để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp</p>	<p>năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p> <p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ:</p> <p>Giám đốc Công ty có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>3.1 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; Kế hoạch nghiên cứu khoa học; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>3.2 Quyết định các vấn đề, không cần có ý kiến của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt VTRI ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, hợp đồng nghiên cứu khoa học, giao dịch quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp khi được người đại diện theo pháp luật ủy quyền; Được sử dụng toàn bộ các nguồn lực của Công ty để tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của VTRI theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>3.4 Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;</p> <p>3.9 Giám đốc Công ty sẽ là người đại diện cho VTRI để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các</p>
---	--

<p>đồng lao động;</p> <p>3.10 Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Giám đốc Việncó thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;</p> <p>3.11 Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với VTRI. Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho VTRI thì Giám đốc Việncó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho VTRI;</p> <p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông:</p> <p>Giám đốc Việncó chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm:</p> <p>Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Việntho hình thức biểu quyết quy định tại khoản 8 Điều 44 của Điều lệ này và bổ nhiệm một Giám đốc Việnmới thay thế.</p> <p>6. Giám đốc Việncó thể bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	<p>hợp đồng lao động;</p> <p>3.10 Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;</p> <p>3.11 Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với VTRI. Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho VTRI thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho VTRI;</p> <p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông:</p> <p>Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm:</p> <p>Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Công ty theo hình thức biểu quyết quy định tại khoản 8 Điều 44 của Điều lệ này và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế.</p> <p>6. Giám đốc Công ty có thể bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p>
--	---

CHƯƠNG X: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

<p>Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VTRI vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung Thông báo bao gồm:</p> <p>2.2 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (05)% Vốn điều lệ.</p> <p>Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên</p>	<p>Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VTRI vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung Thông báo bao gồm:</p> <p>2.2 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (05)% Vốn điều lệ.</p> <p>Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc</p>
<p>Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty</p>	<p>Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty</p>

quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo tới VTRI trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được lưu giữ tại trụ sở chính của VTRI. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VTRI đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VTRI.

3. VTRI không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những

sửa đổi, bổ sung phải được thông báo tới VTRI trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được lưu giữ tại trụ sở chính của VTRI. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VTRI đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VTRI.

3. VTRI không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người

<p>người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>4. Theo Điều 162 Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa VTRI và các đối tượng sau đây:</p> <p>4.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ; hoặc</p> <p>4.3 Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện và Người quản lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện và Người quản lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (5)% Vốn điều lệ; Sẽ không bị vô hiệu hóa, nếu:</p>	<p>này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>4. Theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa VTRI và các đối tượng sau đây:</p> <p>4.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ; hoặc</p> <p>4.3 Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (5)% Vốn điều lệ; Sẽ không bị vô hiệu hóa, nếu:</p>	<p>Cập nhật lại cho phù hợp với quy định của điều 167 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn hai mươi(20)% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận và cho phép thực hiện;</p>	<p>Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ 50% vốn điều lệ trở xuống; hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35%/tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận và cho phép thực hiện;</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp và thuận lợi với công tác quản trị của Công ty</p> <p>Điều chỉnh cho phù hợp và thuận lợi với công tác quản trị của</p>

Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng hai mươi (20)% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và các hợp đồng hoặc giao dịch khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và những nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VTRI hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện, Người quản lý khác hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của VTRI vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng **50% vốn điều lệ**; các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và các hợp đồng hoặc giao dịch khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và những nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VTRI hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của VTRI vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

<p>6. Về trách nhiệm bồi thường trong trường hợp thực hiện giao dịch chưa được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị chấp thuận: hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 4 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Viện và Người quản lý khác có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VTRI các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p>	<p>6. Về trách nhiệm bồi thường trong trường hợp thực hiện giao dịch chưa được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị chấp thuận: hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 4 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VTRI các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p>	<p>Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Trách nhiệm về thiệt hại:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện và Người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Bồi thường:</p> <p>VTRI sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VTRI là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện, Người quản</p>	<p>Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty</p>
<p>Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Trách nhiệm về thiệt hại:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện và Người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Bồi thường:</p> <p>VTRI sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VTRI là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Viện, Người quản</p>	<p>Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Trách nhiệm về thiệt hại:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Bồi thường:</p> <p>VTRI sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VTRI là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý</p>		

<p>ly khác, nhân viên VTRI hoặc người đại diện được ủy quyền của VTRI, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VTRI với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác, nhân viên, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cần vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của VTRI, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm vi phạm trách nhiệm của mình. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép. VTRI có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>khác, nhân viên VTRI hoặc người đại diện được ủy quyền của VTRI, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VTRI với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác, nhân viên, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cần vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của VTRI, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép. VTRI có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>
<p>XIV. BÁO CÁO ĐỊNH KỲ, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</p>	
<p>Điều 56. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý</p> <p>1. VTRI sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm báo cáo của VTRI và báo cáo tài chính hợp nhất) theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi</p>	<p>Điều 56. Báo cáo tài chính hàng năm</p> <p>1. VTRI sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm báo cáo của VTRI và báo cáo tài chính hợp nhất) theo quy định của Pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng</p>
<p>Cập nhật lại cho phù hợp với hoạt động của công ty; Bỏ nội dung cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Ủy ban</p>	

<p>kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho Cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh doanh thu và khách quan trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của VTRI trong năm tài chính, Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VTRI cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p>	<p>cổ đông thông qua cho Cơ quan thuế có thẩm quyền và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của VTRI trong năm tài chính, Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VTRI cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p>	<p>Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi công ty không còn là công ty đại chúng).</p>
<p>2. VTRI phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu (06) tháng (báo cáo tài chính hợp nhất) và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho Cơ quan thuế có thẩm quyền và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo năm, sáu (06) tháng của VTRI phải được công bố trên website của VTRI.</p>	<p>2. VTRI phải lập và công bố các báo cáo tài chính năm (báo cáo tài chính hợp nhất) cho Cơ quan thuế có thẩm quyền và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) báo cáo năm của VTRI phải được công bố trên website của VTRI.</p>	<p>Cập nhật lại cho phù hợp với hoạt động của công ty; Bổ nội dung VTRI phải lập và công bố các báo cáo tài chính năm theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi công ty không còn là công ty đại chúng).</p>
<p>Điều 57. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</p>	<p>Điều 57. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</p>	<p>Cập nhật lại cho phù hợp với quy</p>

<p>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (nếu có) và nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>định của điều 176 Luật doanh nghiệp 2020; Bỏ nội dung Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải công bố ra công chúng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi công ty không còn là công ty đại chúng)</p>
<p>Điều 58. Báo cáo thường niên VTRI phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Điều 58. Báo cáo thường niên VTRI phải lập và công bố Báo cáo thường niên cho cổ đông theo các quy định của Pháp luật.</p>	<p>Bỏ nội dung: về chứng khoán và thị trường chứng khoán khi công ty không còn là công ty đại chúng)</p>
XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP		
<p>Điều 60. Con dấu 2. Giám đốc Viện có trách nhiệm giữ gìn, quản lý con dấu và con dấu sẽ được sử dụng theo Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của VTRI.</p>	<p>Điều 60. Con dấu 2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm giữ gìn, quản lý con dấu và con dấu sẽ được sử dụng theo Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của VTRI.</p>	<p>Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty.</p>
<p>Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1.2 Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Viện hay Người</p>	<p>Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1.2 Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay</p>	<p>Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình</p>

quản lý khác.	Người quản lý khác.	tổ chức của Công ty.
XIX. TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI		
<p>Điều 64. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội</p> <p>3. Giám đốc Viện phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của VTRI với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những Điều lệ này, các quy chế của VTRI và quy định của Pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 64. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội</p> <p>3. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của VTRI với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VTRI và quy định của Pháp luật hiện hành.</p>	Hiệu đính chức danh phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty
XXI. NGÀY HIỆU LỰC		
<p>Điều 66. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Điều lệ này bao gồm 20 chương và 66 điều, được Đại hội đồng cổ đông VTRI thông qua tại Nghị quyết số 306/NQ-ĐHĐCD ngày 19/9/2018 và có hiệu lực từ ngày 20/9/2018.</p> <p>NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT</p> <p>Phạm Văn Lượng</p>	<p>Điều 66. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Điều lệ này bao gồm 21 chương và 66 điều, được ĐHĐCD VTRI thông qua tại Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCD ngày/4/2022 và có hiệu lực từ ngày/4/2022.</p> <p>NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT</p> <p>Phạm Văn Lượng</p>	

BỘ CÔNG THƯƠNG
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Hà Nội, tháng 4/2022

ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ này được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần (CTCP) – Viện Nghiên cứu Dệt May;

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - 1.1 “Viện”: “CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY”;
- Tên giao dịch Quốc tế: VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTITUTE JOINT STOCK COMPANY (VTRI);
 - 1.2 “Địa bàn kinh doanh”: Phạm vi địa lý mà Viện thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;
 - 1.3 “Vốn điều lệ”: Tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
 - 1.4 Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;
 - 1.5 “Luật Chứng khoán”: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các Luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) tại từng thời điểm;
 - 1.6 Người quản lý doanh nghiệp: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này;
 - 1.7 “Ngày thành lập”: Ngày được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu của Viện hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần;
 - 1.8 Pháp luật: Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nếu có) tại từng thời điểm;
 - 1.9 Người có liên quan: Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 45, 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;
 - 1.10 “Cổ đông”: Mọi cá nhân hay tổ chức được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của VTRI; hoặc một hồ sơ, tài liệu tương tự theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và

thị trường chứng khoán khi VTRI thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

1.11 “Thời hạn hoạt động”: Thời hạn hoạt động của VTRI được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và có thể được thay đổi thông qua một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

1.12 “Việt Nam”: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

1.13 “Người đại diện theo ủy quyền”: Người được Cổ đông là tổ chức ủy quyền bằng văn bản hoặc ủy quyền hợp pháp để thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật;

1.14 “Người được ủy quyền dự họp”: Người được Cổ đông (*tổ chức hoặc cá nhân*) hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông ủy quyền hợp pháp để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

1.15 “Chi nhánh”: Đơn vị phụ thuộc của VTRI được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của VTRI kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của Chi nhánh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của VTRI;

1.16 “Quy chế quản trị nội bộ” là quy chế nội bộ về quản trị công ty của VTRI, được xác lập theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

2. Các tiêu đề (*chương, điều của Điều lệ này*) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi, không ảnh hưởng tới bản chất của nội dung và cấu trúc của Điều lệ.

3. Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (*nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh*) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

4. Trong Điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được dẫn chiếu sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của chúng.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, Người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của VTRI

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính

a) Tên tiếng Việt: **Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May;**

b) Loại hình hoạt động: **Công ty cổ phần;**

c) Tên giao dịch quốc tế: **VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTITUTE
JOINT STOCK COMPANY;**

d) Tên viết tắt là: **VTRI;**

e) Trụ sở chính: 478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;

f) Điện thoại: (84-24) 38624025; Fax: (84-24) 38622867;

g) Website: www.viendetmay.org.vn

Biểu tượng Logo của Công ty:



h) Email: info@viendetmay.org.vn;

Chi nhánh Công ty cổ phần – Viện Nghiên cứu Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Tên tiếng Anh: Branch of Vietnam Textile Research Institute Joint Stock Company in HCM City.

Tên viết tắt là: **VTRSI**

Địa chỉ: 345/128A Trần Hưng Đạo, Quận I, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 39201396

Fax: (84-28) 39202215

Email: trsi@hcm.vnn.vn

Website: www.phanviendetmay.org.vn

2. VTRI sau khi cổ phần hóa có tư cách pháp nhân theo Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; có con dấu riêng; được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của Pháp luật; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan. Công ty kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của VTRI trước khi chuyển đổi, được tiếp tục kinh doanh các ngành nghề hiện VTRI đang thực hiện và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của VTRI (*Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Điều 12 và 13 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14*).

4. VTRI có thể thành lập Chi nhánh, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi các đơn vị trực thuộc VTRI tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của VTRI, phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và theo quy định của Pháp luật.

5. Thời hạn hoạt động của VTRI là vô thời hạn trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác đi.

Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân

1. Hình thức tổ chức: VTRI được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Viện Dệt May là đơn vị sự nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Công ty có vốn điều lệ thuộc sở hữu các cổ đông của Công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Tư cách pháp nhân: VTRI có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014 và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của VTRI

1. Mục tiêu

Xây dựng và phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng, thông qua việc:

1.1 Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, các sản phẩm công nghệ mới có khả năng cạnh tranh vào sản xuất công nghiệp;

1.2 Cung cấp các dịch vụ KHCN về thử nghiệm, chứng nhận, giám định, tư vấn;

1.4 Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực dệt may;

1.4 Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Công ty; Tối đa hoá hiệu quả sản xuất, kinh doanh của công ty;

1.5 Phát huy nguồn lực, lợi thế thương hiệu, vị trí địa lý để tạo tiềm lực tài chính cho Công ty phát triển khoa học công nghệ và đào tạo; tiến tới phát triển Công ty trở thành

doanh nghiệp khoa học công nghệ mạnh, có tiềm lực về tài chính, khoa học & công nghệ, năng lực quản lý, điều hành.

2. Ngành nghề kinh doanh

2.1 Các ngành nghề kinh doanh chính gồm:

<i>Stt</i>	<i>Tên ngành, nghề kinh doanh</i>	<i>Mã ngành, nghề kinh doanh</i>
1	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học và kỹ thuật; - Nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên; - Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ; - Nghiên cứu và phát triển các lĩnh vực học thuật, tính ưu thế trong khoa học và kỹ thuật tự nhiên.	7210 (lĩnh vực chính)
2	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Kiểm tra, thử nghiệm cơ, lý, hóa, sinh các sản phẩm dệt may, da giày, giấy, đồ chơi, polime, kim loại, các sản phẩm tiêu dùng khác và môi trường - Kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị đo lường - Giám định, chứng nhận các sản phẩm dệt may, da giày, giấy, đồ chơi, polime, các sản phẩm tiêu dùng khác và môi trường. - Phân tích lỗi.	7120
3	Sản xuất sợi	1311
4	Sản xuất vải dệt thoi	1312
5	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
6	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
7	Sản xuất hàng dệt sẵn (<i>trừ trang phục</i>)	1392
8	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
9	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
10	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang, không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính; - Sản xuất đồ tía trang trí: Vải viền, quả tua; - Sản xuất nỉ; - Sản xuất màn tuyen và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu đăng ten rời để trang trí; - Sản xuất tấm dệt được tẩm, được phủ hoặc tráng nhựa; - Sản xuất sợi dệt được tráng phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc	1399

	<p>nhựa;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: Quần áo đi sãn, vải buồm, lều bạt, vải dùng cho họa sỹ, vải thô và các loại vải hồ cứng,... - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn; - Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật; - Sản xuất dây giày; - Sản xuất bông đánh phấn và găng tay; 	
11	Máy trang phục (<i>trừ trang phục từ da lông thú</i>)	1410
12	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
13	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
14	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
15	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
16	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
17	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
18	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
19	<p>Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép:</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn vải - Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác - Bán buôn hàng may mặc - Bán buôn giày dép 	4641
20	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác:</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày 	4659
21	<p>Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu:</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn hóa chất công nghiệp - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép 	4669
22	<p>Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh:</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bán lẻ vải trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh 	4751
23	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
24	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết: Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy.</p>	5229
25	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

	<p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà không phải để ở gồm: Khu triển lãm, nhà kho, nơi dạy mát và trung tâm thương mại; - Cung cấp nhà, căn hộ có đồ đạc hoặc chưa có đồ đạc hoặc các phòng sử dụng lâu dài, theo tháng hoặc năm; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; - Kinh doanh bất động sản (Luật kinh doanh bất động sản). 	
26	<p>Hoạt động tư vấn quản lý</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn về quy trình giám định các loại hàng hóa, công nghệ quy trình kiểm soát và tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn, chất lượng và trách nhiệm xã hội; - Tư vấn quản lý nguồn nhân lực; - Tư vấn quản lý sản xuất; - Tư vấn về hệ thống quản lý chất lượng. 	7020
27	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
28	<p>Hoạt động thiết kế chuyên dụng</p> <p>Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác.</p>	7410
29	<p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ; Đánh giá công nghệ; Định giá công nghệ; Giám định công nghệ; Xúc tiến chuyển giao công nghệ (Trong lĩnh vực dệt may và hàng tiêu dùng); - Dịch vụ tư vấn, đào tạo, áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế, tư vấn về chất lượng hàng hóa; - Dịch vụ tư vấn kỹ thuật và công nghệ; - Dịch vụ tư vấn, lập hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu: Tư vấn, giám sát lắp đặt thiết bị. 	7490
30	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại). 	8299
31	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
32	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
33	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620

2.2 Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông công ty quyết định việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh và đăng ký mã ngành theo quy định của Pháp luật.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

3.1 VTRI được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của VTRI.

3.2 VTRI có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà Pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ và cổ phần

1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của VTRI là 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng chẵn*). Vốn điều lệ của VTRI được chia thành 5.000.000 (*Năm triệu*) cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần (*Mười nghìn đồng/cổ phần*).
2. Tất cả các cổ phần được phát hành vào ngày thông qua bản Điều lệ đầu tiên của VTRI đều là cổ phần phổ thông, không có cổ đông sáng lập, kể cả các cổ phần do Nhà nước sở hữu. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 27, Điều 28 của Điều lệ này.
3. VTRI chỉ có thể tăng Vốn điều lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật trừ quy định tại khoản 7 và 8 Điều này.
4. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, VTRI có thể phát hành cổ phần ưu đãi phù hợp với các quy định của Pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong VTRI, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. VTRI phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (*không ít hơn hai mươi một (21) ngày hoặc thời hạn khác theo quy định của Pháp luật*), để Cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được đặt mua theo thông báo chào bán sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối các quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ khi các Cổ đông chấp thuận khác đi hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
6. VTRI có thể mua cổ phần của chính mình bằng bất kỳ cách nào mà Pháp luật cho phép và nếu phù hợp, trong phạm vi tất cả các thẩm quyền quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Bất kỳ cổ phần nào được VTRI mua lại (*cổ phiếu quỹ*) đều có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Pháp luật.
7. Khi có sự phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người sở hữu chứng quyền được mua cổ phần phù hợp với quy định của Pháp luật.
8. Trong các trường hợp sau Vốn điều lệ tăng mà không cần Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu của VTRI và/hoặc trái phiếu kèm theo các chứng quyền

đặt mua cho phép người sở hữu chứng quyền được mua cổ phần của VTRI, thì cũng coi như đã thông qua việc điều chỉnh Vốn điều lệ tương ứng vào thời điểm người sở hữu các trái phiếu nêu trên thực hiện quyền chuyển đổi và/hoặc quyền đặt mua theo quy định của phương án phát hành đã được phê duyệt. Vốn điều lệ của VTRI sẽ được tăng lên tương ứng với số cổ phần đã được chuyển đổi hoặc đặt mua mà không cần phải xin thêm chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp đó, Hội đồng quản trị coi như đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền để thực hiện các thủ tục hoàn tất các vấn đề có liên quan để điều chỉnh Vốn điều lệ tương ứng.

9. Cơ cấu Vốn điều lệ

<i>Vốn điều lệ của công ty</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ %</i>
1. Cổ phần nhà nước	2.872.700	57,454
2. Nhà đầu tư khác	2127.300	42,546
Tổng cộng	5.000.000	100

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do VTRI phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VTRI. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
2. Riêng đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có) của VTRI còn có các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh nghiệp.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này, Cổ đông của VTRI được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của VTRI hoặc ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của VTRI, Cổ đông không phải trả cho VTRI chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu bị rách, hoặc bị tẩy xóa, hoặc bị mất, hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người sở hữu cổ phần theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải chứng minh được (trong trường hợp chứng chỉ cũ bị mất hoặc bị tiêu hủy) và thanh toán các chi phí cho VTRI theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.
6. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của VTRI (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp Pháp luật liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của VTRI.
7. Trong khuôn khổ các quy định của Pháp luật và thị trường chứng khoán, VTRI có thể phát hành cổ phần không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần này được chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tại Điều này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này và và Pháp luật có quy định khác. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của VTRI. Cổ phiếu đăng ký giao dịch/niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi được thực hiện theo quy định riêng đối với từng loại cổ phần ưu đãi.

Điều 8. Thừa kế cổ phần

1. VTRI tôn trọng quyền thừa kế cổ phần và việc thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự và các quy định khác có liên quan.
2. Trong trường hợp Cổ đông qua đời, VTRI công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của Cổ đông đã qua đời:
 - 2.1 Người thừa kế theo di chúc hoặc người thừa kế theo pháp luật;
 - 2.2 Trường hợp có nhiều người cùng có quyền thừa kế cổ phần của Cổ đông đã qua đời thì họ phải cử một (01) người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có xác nhận của công chứng và tuân thủ những quy định trong Điều lệ này. VTRI không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế.
3. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành Cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của Cổ đông, không miễn trừ trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà Cổ đông đã qua đời đã từng sở hữu.
4. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cũng được thừa kế theo quy định của Pháp luật và Điều lệ VTRI, nhưng người nhận thừa kế cổ phần không đương nhiên thừa kế quyền là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Nếu một Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn (*theo quy định tại Luật Doanh nghiệp*) số tiền mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi thông báo cho Cổ đông đó vào bất kỳ thời điểm nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất lũy kế (*nếu có*) trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán gây ra cho VTRI.
2. Nếu các yêu cầu của bất kỳ một thông báo nào nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo đó vào bất kỳ thời điểm nào trước khi Cổ đông thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

3. Một cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đa sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, VTRI phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp.

4. Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho VTRI tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho VTRI cộng với lãi suất theo tỷ lệ tại nghị quyết của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp; có thể miễn, giảm việc thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 10. Chào bán trái phiếu riêng lẻ

1. Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác thì Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

5. Trường hợp công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 11. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu

cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 13. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (*của cổ đông là cá nhân*); tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (*của cổ đông là tổ chức*); số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của VTRI bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Ban Giám đốc Công ty;

5. Các Phòng Ban chuyên môn, nghiệp vụ, Xưởng Thực nghiệm.

CHƯƠNG IV LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

Điều 15. Lao động và tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ Luật Lao động; Thỏa ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc Công ty với người lao động không trái với quy định pháp luật hiện hành và quy chế của công ty.

Giám đốc Công ty có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động, quy định của công ty không trái với quy định pháp luật hiện hành.

Điều 16. Tiền lương

Tiền lương, các khoản phụ cấp lương và tiền thưởng đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động, phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động, pháp luật có liên quan và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 17. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. Quyền lợi: Người lao động trong Công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật về lao động.

Người lao động được hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Khen thưởng và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm: Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ, Nội quy lao động hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại cơ quan quản lý lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động và các quy chế của Công ty phù hợp với quy định pháp luật có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, Giám đốc Công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo Nội quy lao động của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 18. Quyền của Công ty trong hoạt động Khoa học Công nghệ và Đào tạo

1. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ đã đăng ký; ký kết hợp đồng khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực về khoa học công nghệ;

2. Thành lập các Tổ chức nghiên cứu, phát triển khoa học & công nghệ, các cơ sở đào tạo theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Giáo dục và các quy định khác của pháp luật;

3. Công ty được tham gia tuyển chọn hoặc được giao chủ trì các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp Nhà nước và các dự án thuộc các chương

trình kinh tế - kỹ thuật của Nhà nước. Công ty được tổ chức đào tạo, phối hợp với các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực dệt may theo quy định của pháp luật.

4. Công ty được Nhà nước cho phép áp dụng một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong việc sử dụng các Phòng thí nghiệm chuyên ngành, tài sản kết quả khoa học công nghệ để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đào tạo, cụ thể gồm:

4.1 Thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm, nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ lợi ích chung của xã hội;

4.2 Đào tạo, đào tạo lại nhân lực về khoa học công nghệ ở trong nước và ở nước ngoài; đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, những người có trình độ cao, kỹ thuật viên lành nghề;

4.4 Duy trì và phát triển tiềm lực khoa học công nghệ của Công ty;

4.4 Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ công tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đào tạo của Công ty;

4.5 Đầu tư phát triển khoa học công nghệ nhằm đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.

5. Hợp tác, liên doanh, nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ để tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ và sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật;

6. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học công nghệ theo quy định của pháp luật;

7. Được hưởng chế độ ưu đãi về thuế, tín dụng và các ưu đãi khác khi ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ để đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm theo Luật Khoa học và Công nghệ;

8. Được thành lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với Luật Khoa học và Công nghệ và Nghị định của Chính phủ về Doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

9. Phát triển hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ:

9.1 Được phép mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ với các tổ chức, cá nhân nước ngoài, các tổ chức quốc tế, theo quy định của pháp luật, đảm bảo nguyên tắc độc lập, chủ quyền quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi;

9.2 Được nhận tài trợ, tham gia tổ chức khoa học công nghệ, hội thảo khoa học công nghệ, tham gia hoạt động tư vấn, đào tạo, nghiên cứu, hội nghị khoa học công nghệ của các tổ chức quốc tế, tổ chức cá nhân nước ngoài; hợp tác thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ của Việt Nam ở nước ngoài.

10. Công bố kết quả hoạt động khoa học công nghệ theo quy định của Luật báo chí, Luật xuất bản và các quy định khác của pháp luật;

11. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Nghĩa vụ của Công ty trong hoạt động khoa học công nghệ và đào tạo

1. Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các công nghệ mới, vào các sản phẩm của ngành dệt may, nhằm tạo khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế;

2. Thực hiện hợp đồng khoa học công nghệ đã ký kết, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đăng ký và do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao; sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước;

3. Góp phần xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước;

4. Đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực về khoa học công nghệ trong nước;
5. Bảo vệ lợi ích của đất nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân hoạt động khoa học công nghệ trong Công ty; giữ bí mật khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;
6. Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc bố trí và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Các quyền cơ bản của công ty

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp;
2. Lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất và ngành nghề kinh doanh;
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
4. Lựa chọn hình thức và cách huy động vốn;
5. Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu;
6. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;
7. Tự chủ kinh doanh, áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;
8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;
9. Phát hành cổ phiếu và trái phiếu theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật;
10. Các quyền khác quy định tại Điều lệ này hoặc được pháp luật quy định.

Điều 21. Quyền quản lý và sử dụng các nguồn lực của công ty

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác thuộc quyền quản lý sở hữu của Công ty; quyền sử dụng đất của công ty (*sau đây gọi tắt là các nguồn lực của công ty*) theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của công ty.
2. Công ty có quyền phân, giao lại và điều chỉnh những nguồn lực đã phân, giao cho các đơn vị thành viên trong trường hợp cần thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển chung của toàn công ty.
3. Công ty có quyền đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.
4. Công ty có quyền chuyển nhượng, thay thế, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty. Đối với đất đai của công ty thuộc quyền sử dụng của công ty thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 22. Quyền tổ chức quản lý, tổ chức hoạt động kinh doanh

Công ty có quyền tổ chức quản lý, tổ chức điều hành các hoạt động kinh doanh tại công ty như sau:

1. Tổ chức bộ máy quản lý, bố trí sử dụng lao động, tổ chức hoạt động kinh doanh, xuất - nhập khẩu phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp trình độ, năng lực sản xuất và quản lý;
3. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty ở trong nước và ở ngoài nước theo quy định của pháp luật;

4. Mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh theo khả năng của công ty và nhu cầu của thị trường;
5. Tổ chức mở rộng kinh doanh những ngành nghề khác nếu Hội đồng quản trị xét thấy có lợi cho Công ty và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bổ sung;
6. Mời và tiếp đối tác kinh doanh nước ngoài đến làm việc với công ty ở Việt Nam theo quy định về tiếp khách của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật;
7. Quyết định cử người của công ty ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan khảo sát phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 23. Quyền quản lý tài chính

Công ty có quyền quản lý tài chính như sau:

1. Được sử dụng vốn và các quỹ của công ty để phục vụ các nhu cầu kinh doanh đảm bảo hiệu quả. Trường hợp cần sử dụng các nguồn vốn, quỹ khác trái với mục đích sử dụng thì phải tuân theo nguyên tắc hoàn trả.
2. Tự huy động vốn để hoạt động kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu; được phát hành trái phiếu và cổ phiếu theo quy định của pháp luật.
3. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá, chế độ ưu đãi đầu tư hoặc tái đầu tư hoặc các chế độ ưu đãi khác theo quy định của Nhà nước;
4. Được thành lập, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế tài chính Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 24. Các nghĩa vụ cơ bản của công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành nghề đã đăng ký;
2. Lập chứng từ kế toán, sổ kế toán và lập báo cáo tài chính đảm bảo chính xác, trung thực, kịp thời;
3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm chất lượng hàng hoá theo tiêu chuẩn đã đăng ký;
5. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh;
6. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; tôn trọng quyền của tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác theo quy định của pháp luật;
7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh;
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật hiện hành.

Điều 25. Nghĩa vụ quản lý và sử dụng các nguồn lực

1. Công ty có nghĩa vụ sử dụng có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn điều lệ của Công ty, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, liên doanh; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác của công ty để thực hiện mục tiêu kinh doanh và những nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết định;
2. Công ty có nghĩa vụ thực hiện:

2.1 Các khoản nợ phải thu, phải trả ghi trong Bảng cân đối kế toán của công ty tại thời điểm cổ phần hóa công ty;

2.2 Trả các khoản tín dụng mà công ty đang sử dụng;

2.3 Sử dụng và sắp xếp, đào tạo lại số lao động hiện đang làm việc tại công ty hoặc tuyển dụng thêm tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần cho phù hợp với kế hoạch kinh doanh và quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 26. Các nghĩa vụ khác

Công ty có nghĩa vụ công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin để đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của công ty theo quy định của pháp luật và của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VTRI

Điều 27. Quyền hạn của Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu VTRI và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. VTRI không có cổ đông sáng lập. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của VTRI trong phạm vi các cổ phần mà Cổ đông đó sở hữu.
2. Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - 2.1 Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; Mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết;
 - 2.2 Nhận cổ tức với mức quy định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.3 Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ và Pháp luật hiện hành;
 - 2.4 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - 2.5 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - 2.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.7 Trường hợp VTRI giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vào VTRI sau khi VTRI đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông sở hữu loại cổ phần khác của VTRI theo quy định của Pháp luật;
 - 2.8 Yêu cầu VTRI mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - 2.9 Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật;
 - 2.10 Người sở hữu cổ phần ưu đãi mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Quyết định 22/2015/QĐ-CP có các quyền như người sở hữu các cổ phần phổ thông.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho VTRI toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa. Khi VTRI thực hiện quyền mua lại, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các vấn đề có liên quan thay mặt VTRI. Nếu người lao động đó không thực hiện việc chuyển nhượng lại cho VTRI thì VTRI tự làm thủ tục và thông báo cho Cổ đông đó đến nhận tiền. Số cổ phần mua lại trong trường hợp này được coi là cổ phần thu về và được quyền chào bán. Hội

đồng quản trị có quyền quyết định tái phân phối những cổ phần này cho nhân viên VTRI với cùng mục đích ưu đãi, hoặc bán ra thị trường, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền như sau:

3.1 Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ này;

3.2 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

3.3 Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

3.4 Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các Cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

3.5 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của VTRI khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có: họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của VTRI; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3.6 Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;

Điều 28. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1.1 Tuân thủ Điều lệ này và các quy chế quản trị nội bộ của VTRI; chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

1.2 Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của VTRI trong phạm vi số vốn đã góp vào VTRI. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi VTRI dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được VTRI hoặc người khác mua lại cổ phần;

1.3 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và phải thông báo ngay cho VTRI khi có bất cứ thay đổi nào đối với các thông tin đã đăng ký;

1.4 Hoàn thành các nghĩa vụ khác do Pháp luật quy định;

1.5 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh VTRI dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm Pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với VTRI;

d. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.

1.6 Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

Điều 29. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VTRI. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm họp phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ này quy định, đặc biệt là thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - 3.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VTRI. Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của VTRI và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;
 - 3.2 Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu giảm ít nhất một nửa số vốn;
 - 3.3 Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà Pháp luật quy định;
 - 3.4 Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản. Yêu cầu triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (*văn bản yêu cầu có thể được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan*);
 - 3.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng bất kỳ Người quản lý nào vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - 3.6 Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
4. Trách nhiệm triệu tập cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông:
 - 4.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên được quy định tại điểm 3.3 khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm 3.4 và 3.5 khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VTRI.
 - 4.2 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát sẽ phải thay Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với VTRI.

4.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm (d) khoản 3 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

4.4 Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do VTRI trả. Những phí tổn này sẽ không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

4.5 Người triệu tập phải lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Pháp luật.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1.1 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm;

1.2 Báo cáo của Ban kiểm soát;

1.3 Báo cáo của Hội đồng quản trị;

1.4 Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của VTRI;

1.5 Phân phối lợi nhuận và mức cổ tức đối với cổ phần từng loại.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

2.1 Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;

2.2 Phân phối lợi nhuận;

2.3 Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

2.4 Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

2.5 Lựa chọn các tổ chức kiểm toán độc lập;

2.6 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Lãnh đạo Viện;

2.7 Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

2.8 Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;

2.9 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi VTRI;

2.10 Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) VTRI và chỉ định người thanh lý;

2.11 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho VTRI và các Cổ đông của VTRI;

2.12 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm (35)% tổng giá trị tài sản của VTRI được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất được kiểm toán;

2.13 VTRI mua hoặc mua lại hơn mười (10)% một loại cổ phần phát hành;

2.14 VTRI ký kết hợp đồng và giao dịch với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 50% vốn điều lệ trở lên; hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn Ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của VTRI tính theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

2.15 Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

2.16 Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông chiến lược;

2.17 Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của VTRI và quy định của Pháp luật có liên quan.

3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:

3.1 Các hợp đồng quy định tại điểm 2.14 khoản 2 Điều này nếu Cổ đông đó hoặc Người có liên quan của Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc

3.2 Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ Người có liên quan nào của Cổ đông đó, trừ trường hợp mua lại cổ phần theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông theo khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

3.3 Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 31. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

2.1 Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

2.2 Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

2.3 Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

3.2 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

3.3 Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

3.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

3.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

5.1 Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

5.2 Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

5.3 Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 32. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được các Cổ đông sở hữu ít nhất sáu mươi lăm (65)% số cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được các Cổ đông sở hữu ít nhất bảy mươi lăm (75)% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua, riêng các Cổ đông có cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông sở hữu một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ đông (*hoặc Người đại diện theo uỷ quyền/Người được uỷ quyền dự họp của họ*) và sở hữu tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người đại diện theo uỷ quyền/Người được uỷ quyền dự họp đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi nêu trên, những người sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người đại diện theo uỷ quyền/Người được uỷ quyền dự họp có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Không trái với các quy định tại khoản 1 Điều này, thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt quy định tại Điều này được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 34, 35, 36, 37, 38 và 39 của Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác, các quyền đặc biệt liên quan đến việc chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của VTRI gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi sẽ không bị thay đổi vì việc phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 33. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại điểm 4.2 và 4.3 khoản 4 Điều 29 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

2.1 Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2 Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

2.3 Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

2.4 Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

2.5 Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

2.6 Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:

3.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập của Cổ đông là tổ chức; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông là cá nhân; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

3.2 Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của Cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của VTRI, công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (*trường hợp công ty niêm yết/dăng ký giao dịch*).

3.3 Các tài liệu kèm theo thông báo mời họp (*chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp, mẫu chỉ định Người được ủy quyền dự họp, ...*) được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI.

3.4 Thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu quy định tại điểm 3.3 khoản này và VTRI phải gửi tài liệu họp cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được lập bằng văn bản và phải được gửi cho VTRI ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó sở hữu và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này nếu:

5.1 Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;

5.2 Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không sở hữu đủ ít nhất năm (05)% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục sáu (06) tháng trở lên;

5.3 Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;

5.4 Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.

6. Đối với các vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết.

7. Trường hợp tất cả Cổ đông đại diện một trăm (100)% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua Người đại diện theo ủy quyền hoặc Người được ủy quyền dự họp tại Đại hội đồng cổ đông thì những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều hợp lệ kể cả trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập một cách không đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba (33)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 35. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

2.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một (01) người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2.2 Trong trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2.3 Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

2.4 Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của Pháp luật hiện hành.

3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Cổ đông hoặc Người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

6.1 Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

6.2 Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

7.1 Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

7.2 Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

7.3 Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn hoặc tạm dừng tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; Cách thức bầu người thay thế chủ tọa được thực hiện theo trình tự tại khoản 2 Điều này. Tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 36. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với tỷ lệ phần trăm tổng số phiếu biểu quyết ít nhất là: 65%.

1.1 Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

1.2 Định hướng phát triển công ty;

1.3 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

1.4 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

1.5 Tổ chức lại, giải thể VTRI.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một (51)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc

Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ của VTRI. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong quy chế bầu cử. Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một (51)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 37. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, được Chủ tọa và thư ký ký xác nhận, được lập và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Việc gửi biên bản có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 38. Hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm (100)% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; việc gửi nghị quyết có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI.

Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề cần phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 36 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
2. Các nghị quyết có thể được các Cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một (51)% tổng số phiếu có quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại Điều này.
3. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Việc lập Danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 34 của Điều lệ này.

Hội đồng quản trị gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, bằng phương thức

bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của Cổ đông. Đồng thời, Hội đồng quản trị đăng phiếu lấy ý kiến trên trang thông tin điện tử của VTRI hoặc, khi xét thấy cần thiết, trên báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết được đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI. Hội đồng quản trị phải gửi các tài liệu trên cho Cổ đông nếu Cổ đông có yêu cầu.

4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

4.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VTRI;

4.2 Mục đích lấy ý kiến;

4.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

4.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

4.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

4.6 Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về VTRI;

4.7 Nơi, cách thức tải dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI;

4.8 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của VTRI.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến VTRI theo một trong các hình thức sau đây:

5.1 Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của Người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

5.2 Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về VTRI sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không giữ chức vụ quản lý của VTRI. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

6.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của VTRI;

6.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

6.3 Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

6.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

6.5 Các vấn đề đã được thông qua;

6.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của VTRI, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VTRI trong vòng một (01) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của VTRI.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, hoặc Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài (nếu có thẩm quyền) xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VTRI

Điều 41. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Cơ cấu thành viên hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
4. Thành viên của Hội đồng quản trị phải có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Doanh nghiệp theo qui định của luật Doanh nghiệp;
5. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị: Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng (không áp dụng đối với Đại hội đồng cổ đông lần đầu) có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

6.1 Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị Pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

6.2 Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của VTRI;

6.3 Thành viên đó bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có hành vi vi phạm Pháp luật và bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ;

6.4 Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

6.5 Thành viên bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 42. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

3.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

3.2 Các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị 50% vốn điều lệ trở xuống 35% tổng giá trị tài sản trở xuống tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán của VTRI. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

3.3 Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;

3.4 Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; phê duyệt Quy chế quản lý nội bộ và các quy chế khác của Công ty theo đề nghị của Giám đốc;

3.5 Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa

- chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- 3.6 Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- 3.7 Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- 3.8 Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- 3.9 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối Giám đốc và người quản lý khác do HĐQT phê chuẩn; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- 3.10 Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
- 3.11 Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- 3.12 Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- 3.13 Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quản lý vốn của Công ty và chi nhánh của công ty (CTCP- viện nghiên cứu Dệt may tại TP.HCM); quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- 3.14 Cử hoặc thuê người có đủ năng lực, trình độ, đạo đức, sức khỏe đáp ứng được yêu cầu công việc làm Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Công ty;
- 3.15 Phê duyệt phương án tổ chức, sản xuất kinh doanh của Chi nhánh theo đề nghị của Giám đốc Công ty;
- 3.16 Kiểm tra, giám sát Chủ tịch, các thành viên Hội đồng thành viên và Giám đốc các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, và người đại diện phần vốn góp của Công ty trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- 4.1 Thành lập chi nhánh mới hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- 4.2 Thành lập các công ty con của Công ty;
- 4.3 Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);
- 4.4 Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- 4.5 Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 4.6 Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% vốn điều lệ hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- 4.7 Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

- 4.8 Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- 4.9 Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
- 4.10 Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- 4.11 Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (*không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế*) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
- Trường hợp thành viên HĐQT đồng thời là người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn của Nhà nước tại Công ty và làm thành viên chuyên trách tại Công ty được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và các quyền lợi khác (nếu có) do Công ty chi trả theo kết quả quản lý, điều hành Công ty, kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh, theo quy chế trả lương, thưởng của Công ty và được vận dụng theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao Động TBXH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty CP, vốn góp chi phối của Nhà nước.
8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Các thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của họ khi thực hiện giao dịch cổ phần của VTRI phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về giao dịch này theo quy định của Pháp luật.
11. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để

thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Điều 43. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật.
2. Tiêu chuẩn làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty: Ngoài các tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trình độ Thạc sỹ trở lên và có kinh nghiệm ít nhất năm (05) năm làm cán bộ quản lý, điều hành tại các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
4. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ cụ thể sau:
 - 4.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT; chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 4.2 Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; có quyền đình chỉ các quyết định của Giám đốc trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 4.3 Trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán và các báo cáo của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - 4.4 Phụ trách chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty. Trong thực thi các nhiệm vụ này, Chủ tịch HĐQT sử dụng chức danh là Chủ tịch Công ty, người đại diện pháp luật để ký các văn bản về hoạt động khoa học công nghệ và các văn bằng đào tạo, các hợp đồng kinh tế. Trong các trường hợp cụ thể Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho Giám đốc hoặc Phó Giám đốc và các cán bộ quản lý để ký kết các văn bản.
 - 4.5 Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật doanh nghiệp.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày;
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 44. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị: Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Cuộc họp định kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước

ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cho là cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

3.1 Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;

3.2 Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

3.3 Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.

4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của VTRI hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo đề xuất của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

5. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp sẽ phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị bảy (07) ngày trước khi tổ chức họp; các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực trở về trước. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại VTRI.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

7. Biểu quyết:

7.1 Trừ quy định tại điểm 7.2 khoản 7 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.

7.2 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích đáng kể so với lợi ích có được từ việc sở hữu cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của VTRI; hoặc lợi ích này liên quan đến những trách nhiệm của thành viên đó mâu thuẫn hay có thể mâu thuẫn với lợi ích của VTRI. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch được quy định tại Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

7.3 Theo quy định tại điểm 7.2 khoản 7 Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và

phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị chung thẩm và là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

8. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9. Công khai lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ phải công khai bản chất, nội dung (kể cả các sửa đổi, bổ sung) các hợp đồng hoặc giao dịch thuộc trách nhiệm được đề cập tại Điều lệ này. Việc chấp thuận hay không cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó được các thành viên còn lại quyết định theo cách thức biểu quyết công khai.

10. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng quản trị theo phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước giờ khai mạc.

11. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

11.1 Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

11.2 Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp được tổ chức và tiến hành theo quy định trên sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một (01) thành viên trở lên ký.

13. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển

đi. Các biên bản được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

14. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều người khác bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:

14.1 Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của tiểu ban;

14.2 Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

15. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phần chiếm tỷ lệ nhất định/vốn điều lệ được đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VIII BAN KIỂM SOÁT

Điều 45. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành VTRI; Giám sát việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

1.3 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu (06) tháng và hàng quý của VTRI, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của VTRI và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

1.4 Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của VTRI, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của VTRI bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này.

1.5 Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 27

của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VTRI.

1.6 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của VTRI.

1.7 Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của Người quản lý của VTRI quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.8 Ban kiểm soát được quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của VTRI để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.9 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của VTRI.

1.10 Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VTRI.

2. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của VTRI thì Ban kiểm soát sẽ có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

2.1 Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VTRI;

2.2 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

2.3 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

2.4 Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của các cơ quan quản lý của VTRI;

2.5 Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Điều 171, Điều 172 và Điều 173 của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Luật Doanh nghiệp.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng (không áp dụng đối với Đại hội đồng cổ đông lần đầu) có quyền gộp số quyền biểu quyết lại với nhau để đề cử ứng viên để bầu thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng

cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến các hoạt động của VTRI theo yêu cầu của Ban kiểm soát; và Thư ký VTRI phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

5. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

6. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

6.1 Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Chủ tọa cuộc họp;

6.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

6.3 Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

7. Tổng mức tiền thù lao của Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của VTRI.

8. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được phép họp ít hơn hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

9. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm kỳ tối đa là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

10.1 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

10.2 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IX

GIÁM ĐỐC CÔNG TY, BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ VTRI

Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý VTRI

Hệ thống quản lý của VTRI phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. VTRI có một (01) Giám đốc Công ty, các Phó Giám đốc Công ty và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty (gọi chung là Ban Giám đốc). Giám đốc và các Phó Giám đốc Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức, theo đó:

1. Phó Giám đốc Công ty là người giúp Giám đốc Công ty một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công và ủy quyền.
2. Kế toán trưởng là người giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, tài chính, thống kê; chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính, kế toán của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật.
3. Theo đề nghị của Giám đốc Công ty và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông), VTRI sẽ có một số lượng nhất định các vị trí Người quản lý cần thiết và thích hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý VTRI do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm. Người quản lý phải có sự khẩn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của VTRI đạt được các mục tiêu đề ra.
4. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định; hợp đồng của những Người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định, mức lương và các chế độ do Giám đốc Công ty đề xuất và Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 47. Giám đốc Công ty

1. Bổ nhiệm:

1.1 Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Giám đốc Công ty và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

1.2 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc Công ty:

- a, Có đủ năng lực, hành vi và không thuộc những đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;
- b, Có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề hoạt động chính của VTRI.

2. Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ:

Giám đốc Công ty có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- 3.1 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; Kế hoạch nghiên cứu khoa học; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 3.2 Quyết định các vấn đề, không cần có ý kiến của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay

mặt VTRI ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, hợp đồng nghiên cứu khoa học, giao dịch quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp khi được người đại diện theo pháp luật ủy quyền; Được sử dụng toàn bộ các nguồn lực của Công ty để tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của VTRI theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

3.3 Đề nghị về số lượng và nhân sự các vị trí Người quản lý mà VTRI cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết và xin ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, tiền thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong VTRI, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

3.4 Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;

3.5 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

3.6 Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của VTRI;

3.7 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VTRI (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của VTRI theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành;

3.8 Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

3.9 Giám đốc Công ty sẽ là người đại diện cho VTRI để thực hiện việc tuyển dụng và ký kết các hợp đồng lao động;

3.10 Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm;

3.11 Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VTRI theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của VTRI do Hội đồng quản trị ban hành, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với VTRI. Nếu điều hành trái với quy định trên mà gây thiệt hại cho VTRI thì Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật (nếu có) và phải bồi thường thiệt hại cho VTRI;

3.12 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ VTRI và Pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các Cổ đông:

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm:

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc Công ty theo hình thức biểu quyết quy định tại khoản 8 Điều 44 của Điều lệ này và bổ nhiệm một Giám đốc Công ty mới thay thế.

6. Giám đốc Công ty có thể bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- 6.1 Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của VTRI;
- 6.2 Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- 6.3 Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của VTRI;
- 6.4 Vi phạm Pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
- 6.5 Có đơn xin từ chức được Hội đồng quản trị chấp thuận.

7. Thư ký Công ty.

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- 7.1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
- 7.2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
- 7.3. Tham dự các cuộc họp.
- 7.4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
- 7.5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG X

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của VTRI và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VTRI vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

22. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Nội dung Thông báo bao gồm:

2.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

2.2 Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (05)% Vốn điều lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo tới VTRI trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được lưu giữ tại trụ sở chính của VTRI. Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VTRI đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VTRI.

3. VTRI không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa VTRI và các đối tượng sau đây:

4.1 Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông của VTRI và Người có liên quan của họ; hoặc

4.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ; hoặc

4.3 Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; doanh nghiệp mà Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên năm (5)% Vốn điều lệ; Sẽ không bị vô hiệu hóa, nếu:

Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ 50% vốn điều lệ trở xuống; hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận và cho phép thực hiện;

Đối với các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng 50% vốn điều lệ; các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm (35)% hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị lớn

hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản của VTRI ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán và các hợp đồng hoặc giao dịch khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và những nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác và Người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VTRI hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác hay Người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của VTRI vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

6. Về trách nhiệm bồi thường trong trường hợp thực hiện giao dịch chưa được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị chấp thuận: hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 4 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VTRI các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

VTRI sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VTRI là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác, nhân viên VTRI hoặc người đại diện được ủy quyền của VTRI, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VTRI với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, Người quản lý khác, nhân viên, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, cẩn trọng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của VTRI, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép. VTRI có quyền mua bảo hiểm trách nhiệm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ VTRI

Điều 50. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Mọi Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 27 của Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc Người đại diện theo ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách các Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của VTRI và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc người đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và Người quản lý khác có quyền kiểm tra Sổ đăng ký Cổ đông của VTRI, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VTRI vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. VTRI sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Mọi Cổ đông đều có quyền có được một (01) bản Điều lệ VTRI miễn phí. Điều lệ này phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của VTRI.

CHƯƠNG XII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 51. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của VTRI.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của VTRI.
3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
4. VTRI sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng tiền mặt, các cổ phiếu hoặc trái phiếu khác đã được thanh toán hết tiền mua do VTRI phát hành, hoặc các tài sản khác thuộc quyền sở hữu hợp pháp của VTRI) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
6. Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì Cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản

tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi VTRI đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông. Nếu VTRI đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì VTRI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được VTRI chuyển cho Cổ đông thụ hưởng mà Cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo quy định của Pháp luật.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 52. Phân phối lợi nhuận sau thuế

Hàng năm VTRI phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước;
2. Số lợi nhuận còn lại (sau khi trừ khoản lỗ của các năm trước quy định tại khoản 1 Điều này) được phân phối như sau:
 - 2.1 Trích quỹ đầu tư phát triển;
 - 2.2 Trích quỹ khen thưởng phúc lợi;
 - 2.3 Trích thưởng ban quản lý điều hành;
 - 2.4 Chia cổ tức;
 - 2.5 Để lại năm sau (nếu có).

Mức trích cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 53. Tài khoản ngân hàng

1. VTRI sẽ mở tài khoản tại một hay nhiều ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, VTRI có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật, nếu cần thiết.
3. VTRI sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà VTRI mở tài khoản.

Điều 54. Năm tài chính

Năm tài chính của VTRI bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ Ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 55. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán được VTRI sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS).

2. VTRI sẽ phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. VTRI sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà VTRI tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của VTRI.
3. VTRI sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 56. Báo cáo tài chính hàng năm

1. VTRI sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm báo cáo của VTRI và báo cáo tài chính hợp nhất) theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho Cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của VTRI trong năm tài chính, Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của VTRI cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

2. VTRI phải lập và công bố các báo cáo tài chính năm (báo cáo tài chính hợp nhất) cho Cơ quan thuế có thẩm quyền và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) báo cáo năm của VTRI phải được công bố trên website của VTRI.

Điều 57. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được nộp cho Cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp

Điều 58. Báo cáo thường niên

VTRI phải lập và công bố Báo cáo thường niên cho cổ đông theo các quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XV

KIỂM TOÁN VTRI

Điều 59. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, một hoặc một số công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và trong danh sách hàng năm được Bộ Tài chính công bố đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập hiện hành sẽ được lựa chọn để VTRI chỉ định một công ty trong số đó tiến hành các hoạt động kiểm toán đối với VTRI.

2. Các kiểm toán viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho VTRI phải có chứng chỉ hành nghề do Bộ Tài chính cấp.
3. VTRI sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của VTRI.
5. Một kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán VTRI sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà mọi Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đó về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVI CON DẤU

Điều 60. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua con dấu chính thức của VTRI và Hội đồng quản trị có thể xác định nội dung của con dấu theo những quy định của Pháp luật.
2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm giữ gìn, quản lý con dấu và con dấu sẽ được sử dụng theo Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của VTRI.

CHƯƠNG XVII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 61. Chấm dứt hoạt động

1. VTRI có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - 1.1 Toà án có thẩm quyền của Việt Nam tuyên bố VTRI phá sản theo quy định Pháp luật hiện hành;
 - 1.2 Khi các Cổ đông sở hữu ít nhất sáu mươi lăm (65)% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tán thành;
 - 1.3 Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.
2. Bất kỳ quyết định nào nhằm giải thể VTRI đều phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 62. Thanh lý

1. Khi có một quyết định giải thể VTRI, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập ban thanh lý ("Ban Thanh lý") gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên VTRI hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý sẽ được VTRI ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VTRI.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt VTRI

trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VTRI trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

3.1 Các chi phí thanh lý;

3.2 Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho người lao động;

3.3 Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà VTRI phải trả cho Nhà nước Việt Nam;

3.4 Các khoản vay (nếu có);

3.5 Các khoản nợ khác của VTRI;

3.6 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục 3.1 đến 3.5 trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán.

CHƯƠNG XVIII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của VTRI hay tới quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào theo Luật Doanh nghiệp hay các quy định khác của Pháp luật, giữa:

1.1 Một Cổ đông hay các Cổ đông với VTRI; hoặc

1.2 Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay Người quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Án phí sẽ do Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XIX TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 64. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong VTRI hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong VTRI hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó.

3. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của VTRI với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VTRI và quy định của Pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 65. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. Những vấn đề chưa được quy định trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định Pháp luật hiện hành của Việt Nam và các thông lệ thương mại quốc tế.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 66. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này bao gồm 21 chương và 66 điều, được Đại hội đồng cổ đông VTRI thông qua tại Nghị quyết số .../NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022 và có hiệu lực từ ngày 28/04/2022.

2. Điều lệ có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất một (01) bản lưu trữ tại trụ sở chính của VTRI.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của VTRI.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Phạm Văn Lượng

Số:/NQ-ĐHĐCĐVTRI-2022

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP – Viện Nghiên cứu Dệt May (Công ty);

- Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2022 của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May đã được ĐHĐCĐ thông qua vào ngày 28 tháng 4 năm 2022;

- Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May số/BB-ĐHĐCĐVTRI-2022 ngày 28 tháng 4 năm 2022,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May (Đại hội) được tổ chức vào ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Công ty số 478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với sự tham dự của cổ đông, đại diện cho cổ phần, chiếm % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty,

Sau khi các nghe trình bày các Báo cáo, Tờ trình, Đại hội đã làm việc, thảo luận và nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung chính như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May về giám sát & kết quả hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2021 & kế hoạch hoạt động năm 2022.

Điều 2: Thông qua Báo cáo Ban Giám đốc CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May kết quả hoạt động SXKD năm 2021 & phương hướng SKXD năm 2022.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May năm 2021 và kế hoạch giám sát năm 2022.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May do Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam thực hiện, gồm:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập;
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
3. Bảng cân đối kế toán;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình)

Điều 5: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Phân phối Lợi nhuận 2021		Ghi chú
		Tỷ lệ	Số tiền (đồng)	
1	LNST tại 31/12/2021 chưa phân phối		3.333.168.844	
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021	100%	3.333.168.844	
2.1	Quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động	6%	200.000.000	
2.2	Quỹ thưởng cho người quản lý công ty	0,6%	20.000.000	
2.3	Chia cổ tức cho cổ đông tối đa 5% VDL	75%	2.500.000.000	
2.4	Quỹ đầu tư phát triển	18,4%	613.168.844	

Cổ tức được chia bằng tiền mặt.

DHĐCĐ ủy quyền HĐQT Công ty xem xét, thống nhất để quyết định thời gian thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông trong phạm vi lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2021 nêu trên theo quy định.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình).

Điều 6: Thông qua kết quả SXKD 2021 và kế hoạch SXKD 2022 như sau:

6.1 Kết quả hoạt động SXKD 2021

Đơn vị tính: đồng.

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Doanh thu bán hàng và	65.000.000.000	85.521.502.664	131,6

	cung cấp dịch vụ			
2	Giá vốn hàng bán	48.270.000.000	70.898.793.157	146,9
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.730.000.000	14.622.709.507	87,4
4	Doanh thu hoạt động tài chính		1.614.497.456	
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	13.230.000.000	12.459.772.908	94,2
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.500.000.000	3.577.368.685	102,2
7	Thu nhập khác		145.221.750	
8	Chi phí khác		96.143.427	
9	Lợi nhuận khác		49.078.323	
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.500.000.000	3.626.447.008	103,6
11	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.800.000.000	3.333.168.844	119

6.2 Kế hoạch hoạt động SXKD 2022:

<i>STT</i>	<i>Các chỉ tiêu tài chính</i>	<i>Kế hoạch 2022</i>
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (đồng)	90.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	3.850.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (đồng)	3.507.777.778
4	Tiền lương CBCNV (đồng/người/tháng)	11.000.000
5	Các khoản nộp Ngân sách Nhà nước (đồng)	10.000.000.000
6	Đầu tư mua sắm trang thiết bị và nâng cấp cơ sở hạ tầng (đồng)	3.200.000.000
7	Đầu tư các dự án thành lập Nhà máy may, Nhà máy sợi, Nhà máy nhuộm và Dự án xây dựng tòa nhà văn phòng, Trung tâm thí nghiệm, Chứng nhận và dịch vụ (dự kiến)	

- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022: 5%.

Mức trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi căn cứ kết quả SXKD, HĐQT trình tỷ lệ cụ thể để ĐHCĐ thường niên quyết định.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình)

Điều 7: Thông qua Phương án thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2022 như sau

- Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch HĐQT: 25.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên HĐQT *(không chuyên trách)*: 3.000.000 đồng/người/tháng.

- Ban Kiểm soát:

+ Trưởng Ban Kiểm soát *(chuyên trách)*: 17.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên Ban Kiểm soát *(không chuyên trách)*: 500.000 đồng/người/tháng.

+ Thư ký Công ty *(không chuyên trách)*: 500.000 đồng/người/tháng.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình).

Điều 8: Thông qua danh sách và ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán sau để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

- Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIỆT NAM: Địa chỉ Tầng 8 tòa nhà Văn phòng VG số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội;

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO: Địa chỉ số 2 ngõ 308 phố Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

- Công ty TNHH Kiểm toán ATCViệt Nam: Địa chỉ Tầng 2 tòa nhà vietsale, 32C-D Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình)

Điều 9: Thông qua phương án thay đổi nhân sự thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023 :

- Miễn nhiệm: Bà Ngô Thị Hương, bà Trần Thị Quỳnh Hoa.

- Bầu bổ sung thành viên: Bà Nguyễn Thanh Hương, công tác tại Phòng Điều hành CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May và bà Phạm Thị Hồi công tác tại Công ty CP Đam San.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình)

Điều 10: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May.

(Bộ phận đại diện vốn Nhà nước và HĐQT của Công ty sẽ tiến hành lấy biểu quyết lại nếu Bộ Công Thương có ý kiến khác với Tờ trình)

Điều 11: Nghị quyết được thông qua Đại hội đồng cổ đông CTCP - Viện Nghiên cứu Dệt May họp ngày 28 tháng 4 năm 2022, biểu quyết thông qua toàn văn với tỷ lệ% đồng ý tán thành.

Các Cổ đông, HĐQT, BKS và Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết này trên cơ sở tuân thủ pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2022.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Phạm Văn Lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

478 Phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

478 Phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY

Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Viện Dệt May được thành lập theo Quyết định số 24/CP ngày 05/02/1969 của Hội đồng Chính phủ, tên ban đầu là Viện Công nghiệp Dệt và Sợi. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định 4553/QĐ-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công thương và được xác định giá trị doanh nghiệp lần thứ nhất theo Quyết định 1814/QĐ-BCT ngày 22/5/2017 về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100294 ngày 10/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 49/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp. Công ty là đối tượng được áp dụng Nghị định số 13/NĐ/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTUTE - JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: VTRI.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100294 ngày 10/10/2018: 50.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu VDM.

Trụ sở chính của Công ty tại số 478 Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên Ban Lãnh đạo Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Lượng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Diệp Linh	Thành viên
Bà Bùi Thị Thái Nam	Thành viên
Ông Vũ Huy Đông	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Sỹ Phương	Giám đốc (Thôi điều hành từ 01/5/2021; Nghi hưu từ 01/8/2021)
Ông Bùi Tiến Thanh	Giám đốc (Bổ nhiệm từ 01/5/2021)
Bà Nguyễn Diệp Linh	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ 01/5/2021)
Bà Bùi Thị Thái Nam	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ 01/5/2021)
Ông Lê Đại Hưng	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Hoàng Minh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Uyên	Thành viên (Miễn nhiệm từ 23/4/2021)
Bà Trần Thị Quỳnh Hoa	Thành viên
Bà Ngô Thị Hương	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2021, từ nhiệm từ ngày 14/9/2021)

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Lãnh đạo,



Phạm Văn Lượng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Số: 071/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông và Ban Lãnh đạo
Công ty cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt may**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May, được lập ngày 04 tháng 3 năm 2022, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Huy Thăng

Phó Chủ tịch HĐQT

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thị Ngọc Châm

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		58.568.395.502	28.508.943.428
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.143.431.159	12.581.979.383
1. Tiền	111		3.143.431.159	12.581.979.383
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.090.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	28.090.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.969.160.058	14.778.244.432
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	23.044.985.630	12.370.845.156
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.916.609.349	2.407.399.276
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.565.079	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.356.077.874	689.820.931
1. Hàng tồn kho	141	5.6	1.356.077.874	689.820.931
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.009.726.411	458.898.682
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		493.679.813	447.698.619
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	516.046.598	11.200.063
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250)	200		19.389.373.372	43.659.946.530
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.144.203	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	100.144.203	-
II. Tài sản cố định	220		19.289.229.169	22.159.946.530
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	19.215.841.669	22.128.446.530
- Nguyên giá	222		70.417.817.217	69.438.645.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.201.975.548)	(47.310.199.258)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	73.387.500	31.500.000
- Nguyên giá	228		230.530.000	178.780.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(157.142.500)	(147.280.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	21.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	-	21.500.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		77.957.768.874	72.168.889.958

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		22.278.215.835	17.703.404.210
I. Nợ ngắn hạn	310		22.278.215.835	17.703.404.210
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	347.460.416	308.128.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	178.660.997	174.605.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	13.121.922.895	8.620.103.375
4. Phải trả người lao động	314		1.801.503.605	1.820.710.325
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	5.970.212.373	5.996.576.493
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		858.455.549	783.280.700
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		55.679.553.039	54.465.485.748
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	54.685.119.539	54.506.502.318
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.351.950.695	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.333.168.844	4.506.502.318
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.980.498.587
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.333.168.844	2.526.003.731
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		994.433.500	(41.016.570)
1. Nguồn kinh phí	431	5.14	994.433.500	(41.016.570)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		77.957.768.874	72.168.889.958

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Uyên

Kế toán trưởng



Tống Đức Quang

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Văn Lượng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	85.521.502.664	66.103.933.499
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		85.521.502.664	66.103.933.499
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	70.898.793.157	51.077.999.535
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.622.709.507	15.025.933.964
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.614.497.456	707.582.683
7. Chi phí tài chính	22		5.817	-
8. Chi phí bán hàng	25		200.059.553	183.233.876
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	12.459.772.908	12.482.550.040
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25-26)	30		3.577.368.685	3.067.732.731
11. Thu nhập khác	31		145.221.750	180.102
12. Chi phí khác	32		96.143.427	38.278.914
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	6.5	49.078.323	(38.098.812)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.626.447.008	3.029.633.919
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.7	293.278.164	503.630.188
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.333.168.844	2.526.003.731
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	667	485

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Uyên

Kế toán trưởng

Tống Đức Quang

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Văn Lượng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	82.721.189.819	71.186.692.939
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(63.872.677.401)	(37.136.912.547)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.101.609.929)	(12.792.259.708)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(853.664.555)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.784.850.346	15.591.361.607
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.738.638.134)	(20.301.508.141)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(60.549.854)	16.547.374.150
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.401.000.000)	(46.545.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	53.200.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(62.090.000.000)	(21.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	55.500.000.000	6.400.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.614.353.253	707.582.683
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.323.446.747)	(14.438.962.772)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.054.551.623)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.054.551.623)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(9.438.548.224)	2.108.411.378
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.581.979.383	10.473.568.005
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 5.1	3.143.431.159	12.581.979.383

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Uyên

Kế toán trưởng



Tổng Đức Quang

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Văn Lượng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May tiền thân là Viện Dệt May được thành lập theo Quyết định số 24/CP ngày 05/02/1969 của Hội đồng Chính phủ, tên ban đầu là Viện Công nghiệp Dệt và Sợi. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định 4553/QĐ-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công thương và được xác định giá trị doanh nghiệp lần thứ nhất theo Quyết định 1814/QĐ-BCT ngày 22/5/2017 về việc xác định giá trị Viện Dệt May do Tập đoàn Dệt May Việt Nam tạm thời quản lý để cổ phần hóa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100294 ngày 10/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp Khoa học và công nghệ số 49/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp. Công ty là đối tượng được áp dụng Nghị định số 13/NĐ/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: VIETNAM TEXTILE RESEARCH INSTUTE - JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: VTRI.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100294 ngày 10/10/2018: 50.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn Upcom, mã cổ phiếu: VDM.

Trụ sở chính của công ty tại số 478 Phố Minh Khai, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 87 người (tại ngày 31/12/2020 là 90 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Thực hiện chức năng, hoạt động của Công ty chuyên ngành dệt may, cụ thể:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Sản xuất sợi, sản xuất vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- May trang phục, sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải;
- Bán buôn vải hàng may mặc, giày dép;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;
- Bán buôn hóa chất công nghiệp, tơ, xơ, sợi dệt;
- Hoạt động tư vấn về quy trình giám định các loại hàng hóa, công nghệ quy trình kiểm soát và tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn, chất lượng và trách nhiệm xã hội;
- Hoạt động chuyển giao công nghệ bao gồm: Môi giới chuyển giao công nghệ; Định giá công nghệ; Giám định công nghệ;
- Hoạt động thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm từ lông thú.
- Các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong những năm gần đây, đại dịch COVID-19 đã gây những ảnh hưởng đáng kể đến toàn bộ nền kinh tế Việt Nam. Doanh thu năm 2021 so với năm 2020 cho thấy có sự tăng trưởng (Doanh thu năm 2021 đạt khoảng 85,5 tỷ, doanh thu năm 2020 đạt 66,1 tỷ) là do Công ty có một số đơn đặt hàng lớn. Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận tăng thấp hơn so với tỷ lệ tăng của doanh thu do phát sinh nhiều chi phí khi hoạt động sản xuất trong thời kỳ dịch bệnh diễn biến phức tạp. Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 01 chi nhánh là Chi nhánh Công ty cổ phần - Viện Nghiên cứu Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh, hạch toán phụ thuộc.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm ứng dụng được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể:

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 35
Phương tiện vận tải	06 - 10
Máy móc thiết bị	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Phần mềm, ứng dụng	03 - 05
TSCĐ vô hình khác	03 - 05

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng của công ty được ghi nhận từ các Hợp đồng hoặc đơn đặt hàng sản xuất, gia công, bán sợi, vải mẫu hoặc từ các dự án nghiên cứu sản xuất vải mẫu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty được ghi nhận từ các Dịch vụ kiểm mẫu, thí nghiệm mẫu, giám định mẫu vải và cấp chứng nhận kết quả.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Thu nhập khác: được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty được hưởng ưu đãi về Thuế TNDN trong lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo Thông tư số 03/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc hướng dẫn về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2021 là năm thứ hai Công ty được miễn thuế đối với thu nhập từ kết quả kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Thuế suất Thuế TNDN đối với các hoạt động khác là 20%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Lãnh đạo Công ty cho rằng hoạt động chính của Công ty là nghiên cứu, kinh doanh sợi, vải sợi, phụ liệu ngành dệt, may, sản xuất thử nghiệm các mẫu sợi, vải và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	298.629.787	115.559.023
Tiền gửi ngân hàng	2.844.801.372	12.466.420.360
Tổng	3.143.431.159	12.581.979.383

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn (*)	28.090.000.000	28.090.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	28.090.000.000	28.090.000.000	-	-
Dài hạn	-	-	21.500.000.000	21.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	21.500.000.000	21.500.000.000
Tổng	28.090.000.000	28.090.000.000	21.500.000.000	21.500.000.000

(*) Đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi theo các hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - PGD Minh Khai, tổng số tiền gửi 8.000.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 4,75%/năm;

Và các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hai Bà Trưng, tổng số tiền gửi 20.090.000.000 đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 5,9% đến 6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tổng Công ty Đức Giang - Công ty cổ phần	389.070.000	41.547.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	248.159.975	292.710.275
Công ty TNHH Một thành viên X20 Nam Định	-	738.330.372
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại dịch vụ Hải Châu JEIL VINA	-	299.956.800
Công ty TNHH Golf Long Hưng	14.483.049.467	-
Công ty Cổ phần-26	217.635.000	-
Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu Gia Hưng Phát	-	383.358.408
Công ty TNHH Giang Nguyên	291.266.250	2.414.832.154
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Hoa Tiên	3.060.793.094	3.307.670.740
Công ty TNHH Dệt may Tùng Bách	-	482.565.270
Công ty Cổ phần Dệt may Đông Phong	648.697.245	684.954.490
Công ty TNHH Dệt may XNK Quang Anh	526.722.440	-
Công ty TNHH Dệt may Thành Vượng	-	483.940.234
Công ty TNHH Dệt may Nam Đô	294.483.024	-
Công ty TNHH Một thành viên Ngọc Việt	-	442.844.006
Phải thu các đối tượng khác	2.885.109.135	2.798.135.407
Tổng	23.044.985.630	12.370.845.156

5.4 Trả trước người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hoa Tiên	-	589.050.000
Jinhe Sodium Hydrosulfate Factory Co.,Ltd	-	504.387.166
Shanghai Best Water Chemicals Co.,Ltd	1.166.036.995	1.292.805.150
Công Ty TNHH Maersk Việt Nam	-	21.156.960
Công ty TNHH Khởi Toàn	297.644.794	-
Công ty TNHH thang máy và thiết bị Thành Tâm	352.000.000	-
Trả trước các khách hàng khác	100.927.560	-
Tổng	1.916.609.349	2.407.399.276

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.5 Phải thu khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	7.565.079	-
Dài hạn	100.144.203	-
Ký quỹ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (*)	100.000.000	-
Lãi tài khoản bảo lãnh	144.203	-
Tổng	107.709.282	-

(*) Công ty ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để thực hiện đề án “Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ năm 2021” theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thực hiện đề án số 59/2021/HĐ-CN/CNHT ngày 29/3/2021 được bảo lãnh theo Hợp đồng số 0142BG2100273 ngày 12/4/2021. Giá trị bảo lãnh 50.000.000 đồng. Thời hạn bảo lãnh từ ngày phát hành đến 31/3/2022.
- Hợp đồng thực hiện đề án số 60/2021/HĐ-CN/CNHT ngày 29/3/2021 được bảo lãnh theo Hợp đồng số 0142BG2100274 ngày 12/4/2021. Giá trị bảo lãnh 50.000.000 đồng. Thời hạn bảo lãnh từ ngày phát hành đến 31/3/2022.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.006.339.227	-	171.994.712	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	66.137.189	-	77.895.116	-
Thành phẩm	283.601.458	-	439.931.103	-
Tổng	1.356.077.874	-	689.820.931	-

CÔNG TY CỔ PHẦN - VIỆN NGHIÊN CỨU DỆT MAY
478 Phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP.
Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.7 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	39.903.381.145	26.843.602.759	2.110.000.000	581.661.884	69.438.645.788
Tăng trong năm	-	1.401.000.000	-	-	1.401.000.000
Mua trong năm	-	1.401.000.000	-	-	1.401.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	421.828.571	421.828.571
Thanh lý	-	-	-	421.828.571	421.828.571
Số dư tại ngày 31/12/2021	39.903.381.145	28.244.602.759	2.110.000.000	159.833.313	70.417.817.217
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2021	28.476.727.748	16.652.983.642	1.728.260.960	452.226.908	47.310.199.258
Tăng trong năm	1.464.936.360	2.525.973.794	228.168.816	41.631.271	4.260.710.241
Khấu hao trong năm	1.464.936.360	2.525.973.794	228.168.816	41.631.271	4.260.710.241
Giảm trong năm	-	-	-	368.933.951	368.933.951
Thanh lý	-	-	-	368.933.951	368.933.951
Số dư tại ngày 31/12/2021	29.941.664.108	19.178.957.436	1.956.429.776	124.924.228	51.201.975.548
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2021	11.426.653.397	10.190.619.117	381.739.040	129.434.976	22.128.446.530
Tại ngày 31/12/2021	9.961.717.037	9.065.645.323	153.570.224	34.909.085	19.215.841.669

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 2.663.022.699 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 1.006.939.222 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8 Tài sản cố định vô hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Phần mềm ứng dụng	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	178.780.000	178.780.000
Tăng trong năm	51.750.000	51.750.000
Mua trong năm	51.750.000	51.750.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	<u>230.530.000</u>	<u>230.530.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	147.280.000	147.280.000
Tăng trong năm	9.862.500	9.862.500
Khấu hao trong năm	9.862.500	9.862.500
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	<u>157.142.500</u>	<u>157.142.500</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 01/01/2021	31.500.000	31.500.000
Số dư tại ngày 31/12/2021	<u>73.387.500</u>	<u>73.387.500</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 133.780.000 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 133.780.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Hộ kinh doanh Cửa hàng Kinh doanh vật tư và hóa chất Hải Bình	-	-	24.390.000	24.390.000
Cửa hàng dụng cụ thủy tinh và vật tư chính xác HTH	309.750.000	309.750.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ F.G	-	-	110.748.000	110.748.000
Cửa hàng hoá chất và thiết bị 40 Kim Ngưu	-	-	69.000.000	69.000.000
Phải trả người bán khác	37.710.416	37.710.416	103.990.317	103.990.317
Tổng	347.460.416	347.460.416	308.128.317	308.128.317

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thanh Sơn		39.864.000
Công ty TNHH Nhà nước 1 thành viên Dệt 8/3	100.000.000	100.000.000
Khách hàng khác	78.660.997	34.741.000
Tổng	178.660.997	174.605.000

5.11 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Phải nộp	8.620.103.375	8.856.948.041	4.407.521.969	13.121.922.895
Thuế giá trị gia tăng	390.454.277	3.848.847.640	3.549.857.414	689.444.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp	507.992.943	293.278.164	853.664.555	-
Thuế đất, tiền thuê đất (*)	7.721.656.155	4.710.822.237	-	12.432.478.392
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Phải thu	11.200.063	682.597.072	1.695.436.550	516.046.598
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	293.278.164	853.664.555	52.393.448
Thuế thu nhập cá nhân	11.200.063	389.318.908	841.771.995	463.653.150

(*) Tiền thuê đất phải nộp là khoản tiền thuê đất, thuê mặt nước tạm tính cho giai đoạn từ ngày 10/10/2018 đến ngày 31/12/2021. Công ty đang làm thủ tục xin miễn giảm khoản tiền này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.12 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	44.620.000
Bộ Công thương - kinh phí thu hồi các dự án (i)	5.922.070.000	5.922.070.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	29.886.493	29.886.493
Phải trả khác	18.255.880	-
Tổng	5.970.212.373	5.996.576.493

(i) Khoản kinh phí thu hồi các dự án Công ty phải nộp Quỹ phát triển KHCN tập trung theo văn bản số 399/CV-VDM ngày 15/12/2016 của Viện Dệt May và văn bản số 20/CV-PVDM ngày 12/12/2016 của Phân Viện Dệt May tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác nhận số kinh phí phải nộp thu hồi của Dự án sản xuất thử nghiệm.

5.13 Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động vốn của chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2020	50.000.000.000	-	2.080.510.296	52.080.510.296
Tăng trong năm	-	-	2.526.003.731	2.526.003.731
Lãi trong năm trước	-	-	2.526.003.731	2.526.003.731
Giảm trong năm	-	-	100.011.709	100.011.709
Trích quỹ khen thưởng, phúc	-	-	100.000.000	100.000.000
Giảm khác	-	-	11.709	11.709
Số dư tại 31/12/2020	<u>50.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>4.506.502.318</u>	<u>54.506.502.318</u>
Số dư tại 01/01/2021	50.000.000.000	-	4.506.502.318	54.506.502.318
Tăng trong năm	-	1.351.950.695	3.333.168.844	4.685.119.539
Lãi trong năm nay	-	1.351.950.695	3.333.168.844	4.685.119.539
Giảm trong năm	-	-	4.506.502.318	4.506.502.318
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	100.000.000	100.000.000
Trích quỹ Đầu tư phát triển (*)	-	-	1.351.950.695	1.351.950.695
Chia cổ tức (*)	-	-	3.054.551.623	3.054.551.623
Số dư tại 31/12/2021	<u>50.000.000.000</u>	<u>1.351.950.695</u>	<u>3.333.168.844</u>	<u>54.685.119.539</u>

(*) Công ty phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 366/NQ-ĐHĐCĐVTRI-2021 ngày 23/4/2021; Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường số 879/NQ-ĐHĐCĐVTRI-2021 ngày 01/10/2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 893/NQHĐQT-VTRI ngày 08/10/2021. Theo đó, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và quản lý Công ty là 100.000.000 đồng; Quỹ đầu tư phát triển 1.351.950.695 đồng; và tổng giá trị cổ tức chi trả 3.054.551.623 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Bộ Công thương	2.872.700	57,45%	2.872.700	57,45%
Công ty Cổ phần DamSan	1.500.000	30,00%	1.500.000	30,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	627.300	12,55%	627.300	12,55%
Tổng	5.000.000	100%	5.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tại đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.506.502.318	100.000.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2021 Cổ phiếu	Năm 2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.14 Nguồn kinh phí

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	(41.016.570)	1.226.559.230
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	5.344.838.870	6.322.107.800
Chi sự nghiệp	4.309.388.800	7.589.683.600
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	994.433.500	(41.016.570)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng	53.619.355.068	25.051.027.712
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.902.147.596	41.052.905.787
Tổng	85.521.502.664	66.103.933.499

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của hàng bán	51.398.689.938	23.914.897.850
Giá vốn dịch vụ cung cấp	19.500.103.219	27.163.101.685
Tổng	70.898.793.157	51.077.999.535

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	1.614.497.456	707.582.683
Tổng	1.614.497.456	707.582.683

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.635.328.308	5.167.025.013
Chi phí vật liệu quản lý	75.770.322	35.093.846
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.744.598.947	1.778.174.213
Thuế, phí, lệ phí	4.714.822.237	4.410.645.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	963.784.074	948.275.575
Chi phí khác bằng tiền	325.469.020	143.336.000
Tổng	12.459.772.908	12.482.550.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.5 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	145.221.750	180.102
Thanh lý tài sản cố định	54.200.000	-
Nộp tiền lãi do không thực hiện hợp đồng	90.000.000	-
Thu nhập khác	1.021.750	180.102
Chi phí khác	96.143.427	38.278.914
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	52.894.620	38.278.914
Tiền chậm nộp thuế	43.248.807	-
Lợi nhuận khác	49.078.323	(38.098.812)

6.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	55.338.387.583	25.951.397.664
Chi phí nhân công	12.104.768.169	15.170.317.622
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.270.572.741	5.057.485.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.161.364.448	6.793.390.498
Chi phí bằng tiền khác	5.788.070.795	5.047.981.953
Tổng	82.663.163.736	58.020.572.802

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.626.447.008	3.029.633.919
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	43.248.807	-
<i>Chi phí không được trừ</i>	43.248.807	-
<i>Thu nhập từ hoạt động KHCN được miễn thuế (*)</i>	2.203.304.995	2.874.805.753
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.466.390.820	154.828.166
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	293.278.164	30.965.633
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN năm 2018 và 2019 vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2020	-	472.664.555
Tổng Chi phí Thuế TNDN hiện hành	293.278.164	503.630.188

(*) Công ty được hưởng ưu đãi về Thuế TNDN trong lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ theo Thông tư số 03/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc hướng dẫn về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Công ty được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.333.168.844	2.526.003.731
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (*)</i>	-	100.000.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.333.168.844	2.426.003.731
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	667	485

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính số lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có thể được phân phối vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý. Việc phân phối lợi nhuận năm 2021 phụ thuộc vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường năm 2022. Nếu công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 thì lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(*) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường năm 2021 số 879/NQ-ĐHĐCĐVTRI-2021 ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt may. Theo đó Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày trên báo cáo năm trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.526.003.731	2.526.003.731	-
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng cán bộ quản lý	-	100.000.000	100.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.526.003.731	2.426.003.731	(100.000.000)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	505	485	(20)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban giám đốc

Lương, thù lao của Ban lãnh đạo quản lý chuyên trách và quản lý khác

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Người quản lý chuyên trách		1.206.138.000	18.000.000	1.224.138.000	1.239.708.334
Ông Phạm Văn Lượng	Chủ tịch HĐQT	322.498.000		322.498.000	302.963.091
Ông Nguyễn Sỹ Phương	Giám đốc	72.501.000		72.501.000	275.222.515
Ông Bùi Tiến Thanh	Giám đốc	260.456.000		260.456.000	230.841.455
Ông Lê Đại Hưng	Giám đốc CN	210.048.000		210.048.000	
Tổng Đức Quang	Kế toán trưởng	194.640.000		194.640.000	215.290.909
Bà Nguyễn Diệp Linh	Phó Giám đốc (công bố thông tin)	145.995.000	18.000.000	163.995.000	215.390.364
Người quản lý khác		473.389.933	48.000.000	521.389.933	726.953.228
Ông Nguyễn Văn Thông	Thành viên HĐQT	72.608.696	12.000.000	84.608.696	227.490.118
Bà Bùi Thị Thái Nam	Phó Giám đốc	214.410.237	12.000.000	226.410.237	359.902.292
Ông Vũ Huy Đông	Thành viên HĐQT		12.000.000	12.000.000	12.000.000
Bà Phạm Hoàng Minh	Trưởng BKS	186.371.000	12.000.000	198.371.000	127.560.818
Tổng		1.679.527.933	66.000.000	1.745.527.933	1.966.661.562

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giao dịch mua			
Công ty Cổ phần DamSan	Cổ đông lớn	13.872.720.248	-
Trả cổ tức			
Bộ Công thương	Cổ đông Nhà nước	1.754.961.157	-

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả khác			
Bộ Công thương	Cổ đông Nhà nước	5.922.070.000	5.922.070.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT. Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu được cập nhật theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông bất thường năm 2021 của Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt May số 879/NQ-ĐHĐCĐVTRI-2021 ngày 01 tháng 10 năm 2021 và trình bày lại để phù hợp với số liệu thực tế của Công ty (Thuyết minh Báo cáo tài chính 6.8).

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Uyên

Kế toán trưởng

Tổng Đức Quang

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Lượng